TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00548

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 26 202402 **CBGD:** Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10160005	NGUYỄN THỊ NGỌC	ANH	DH10TK			4,5	4	5
2	10160008	PHAN CÔNG	ANH	DH10TK			8,5	8	5
3	10160010	VÕ NGỌC	BÂN	DH10TK					
4	10160011	CAO THỊ NGỌC	BÍCH	DH10TK			10	10	0
5	10160013	HUỲNH	CHI	DH10TK			8,5	8	5
6	10160015	PHẠM HỒNG	DÂN	DH10TK			7,0	7	0
7	10160017	HUỲNH PHƯƠNG	DUNG	DH10TK			8,5	8	5
8	10160022	BÙI ANH	ĐỨC	DH10TK			5,5	5	5
9	10160027	LÊ DIỆM	HẰNG	DH10TK			7,5	7	5
10	10160034	NGUYỄN THỊ XUÂN	HIẾU	DH10TK			7,0	7	0
11	10160035	PHAN THANH	HIỆP	DH10TK			8,5	8	5
12	10160036	HUỲNH CÔNG	HOÀNG	DH10TK			7,5	7	5
13	10160037	NGUYỄN HỮU	HOÀNG	DH10TK			8,0	8	0
14	10160040	NGUYỄN THANH	HƯNG	DH10TK			8,0	8	0
15	10160041	ĐINH BÁ	HỮU	DH10TK			7,5	7	5
16	10160042	ĐINH HỮU	KHÁNH	DH10TK			10	10	0
17	10160043	HOÀNG VĂN	KHÁNH	DH10TK			6,0	6	0
18	10160044	NGUYỄN XUÂN	KHOA	DH10TK					

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00548

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 26 CBGD: Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10160045	NGUYỄN NGỌC	KHỞI	DH10TK			5,5	5	5
20	10160047	NGUYỄN THỊ DIỄM	KIỀU	DH10TK			7,5	7	5
21	10160052	BÙI THỊ	LONG	DH10TK			9,0	9	0
22	10160053	THIỀU ĐẠI	LỘC	DH10TK			5,5	5	5
23	10160055	VŨ HOÀNG	MINH	DH10TK			7,0	7	0
24	10160057	NGUYỄN SƠN	NAM	DH10TK			9,0	9	0
25	10160059	BÙI HỮU	NGÂN	DH10TK			4,5	4	5
26	10160060	NGUYỄN KIM	NGÂN	DH10TK			7,0	7	0
27	10160068	PHẠM VĂN	NGUYÊN	DH10TK			6,0	6	0
28	10160070	HUỲNH THANH	NHÃ	DH10TK			6,5	6	5
29	10160074	NGUYỄN LÊ KIỀU	OANH	DH10TK			8,0	8	0
30	10160078	HỒ THĂNG	PHÚC	DH10TK			7,5	7	5
31	10160079	TRẦN THỊ HỒNG	PHƯƠNG	DH10TK			8,5	8	5
32	10160082	ĐOÀN THỊ	PHƯỢNG	DH10TK			6,0	6	0
33	10160092	NGÔ HỒNG	TÂM	DH10TK			8,5	8	5
34	10160101	NGUYỄN DUY	THÂN	DH10TK					
35	10160102	NGUYỄN VĂN	THI	DH10TK			7,0	7	0
36	10160103	NGUYỄN VĂN	THIỆN	DH10TK			7,5	7	5

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

Nguyễn Thị Di

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00548

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 26 **CBGD:** Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10160105	NGUYỄN TRƯỜNG	THỌ	DH10TK		Thọ	7,5	7	5
38	10160107	VÕ THỊ THU	THỦY	DH10TK		Thuỷ	7,5	7	5
~~39~~	~~10160113~~	~~HUỲNH ANH~~	~~TIẾN~~	~~DH10TK~~					
40	10160116	NGUYỄN VĂN	TOÀN	DH10TK			10	10	0
41	10160154	Huỳnh Anh	Tiến	DH10TK			8,0	8	0

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00549

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 27 **CBGD:** Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10160119	PHẠM HOÀNG	TRANG	DH10TK			4,0	4	0
2	10160120	TRẦN THỊ HƯƠNG	TRÀ	DH10TK			8,0	8	0
3	10160126	BÙI BẢO	TRUNG	DH10TK			3,5	3	5
4	10160128	TRƯƠNG VÕ HOÀI	TRUNG	DH10TK			8,0	8	0
5	10160130	LÊ VĂN	TUẤN	DH10TK					
6	10160131	TRẦN LƯƠNG ANH	TUẤN	DH10TK					
7	10160132	LÊ ĐỨC	TUYỂN	DH10TK					
8	10160133	NGUYỄN VĂN	TÙNG	DH10TK			8,5	8	5
9	10160144	LÊ ĐỨC	VINH	DH10TK					
10	10160147	NGUYỄN QUANG	VŨ	DH10TK			8,0	8	0
11	10160148	TRẦN HOÀNG	VŨ	DH10TK					
12	10160150	NGUYỄN THANH	XUÂN	DH10TK			9,0	9	0

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00530

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 01 CBGD: Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	08160088	NGUYỄN KHÁNH	LINH	DH10BQ			7,0	7	0
2	09125020	NGUYỄN CAO	CƯỜNG	DH10BQ			5,5	5	5
3	10125001	NGUYỄN THỊ	HIỀN	DH10BQ			6,5	6	5
4	10125003	NGUYỄN THỊ VIỆT	AN	DH10BQ			V	V	
5	10125004	LIỄU NGUYỄN HUYỀN	ANH	DH10BQ			8,0	8	0
6	10125007	NGUYỄN MỸ	ÁI	DH10BQ			7,5	7	5
7	10125008	LƯƠNG THỊ	ÁNH	DH10BQ			9,0	9	0
8	10125009	NGUYỄN THỊ	ÁNH	DH10BQ			5,5	5	5
9	10125011	NGUYỄN LƯU	BẢO	DH10BQ			5,0	5	0
10	10125012	TRƯƠNG QUANG	BIN	DH10BQ			6,5	6	5
11	10125013	PHAN THỊ THANH	BÌNH	DH10BQ			7,5	7	5
12	10125019	ĐÀO THỊ MỸ	CHI	DH10BQ			6,0	6	0
13	10125021	TRẦN ĐÌNH	CHINH	DH10BQ			8,0	8	0
14	10125028	TRẦN THỊ MỸ	DIỄM	DH10BQ			8,0	8	0
15	10125029	TRẦN MỸ	DIỆU	DH10BQ			7,0	7	0
16	10125030	LỮ THỊ THANH	DỊU	DH10BQ			6,5	6	5
17	10125032	NGUYỄN THỊ	DUNG	DH10BQ			4,5	4	5
18	10125033	VÕ THỊ BÍCH	DUNG	DH10BQ			4,0	4	0

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TS. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Phạm Thị Thanh Hường

Phạm Thị Huyền

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00530

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 01 **CBGD:** Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10125034	ĐẶNG THỊ	DUYÊN	DH10BQ		Duyên	9,0	9	0
20	10125045	NGUYỄN THỊ	ĐỨC	DH10BQ		Đức	8,0	8	0
21	10125046	HOÀNG THỊ	GIANG	DH10BQ		Giang	7,5	7	5
22	10125048	ĐOÀN THỊ	HÀ	DH10BQ		Hà	6,5	6	5
23	10125051	TRẦN THỊ THÚY	HẰNG	DH10BQ		Thuhằng	4,5	4	5
24	10125052	DƯƠNG THỊ NGỌC	HÂN	DH10BQ		Thao	7,0	7	0
25	10125053	TRẦN THỊ NGỌC	HÂN	DH10BQ		Ngọc	7,0	7	0
26	10125056	LÊ THỊ DIỆU	HIỀN	DH10BQ		Hiền	7,5	7	5
27	10125063	SÁI THỊ	HOÀI	DH10BQ		Thoại	6,5	6	5
28	10125066	TRẦN XUÂN	HOÀNG	DH10BQ		Hoàng	9,5	9	5
29	10125067	CAO THỊ	HỒNG	DH10BQ		Hồng	6,0	6	0
30	10125068	NGUYỄN VĂN	HUY	DH10BQ			V		
31	10125072	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	DH10BQ		Hương	7,0	7	0
32	10125073	TRẦN THỊ	HƯƠNG	DH10BQ		Hương	6,0	6	0
33	10125076	LOMU	JUNI	DH10BQ			6,0	6	0
34	10125077	TRẦN THỊ	KHA	DH10BQ		Kha	9,5	9	5
35	10125078	PHAN ĐIỀN	KHÀ	DH10BQ		Khất	8,0	8	0
36	10125080	VÕ TẤN	KHOÁT	DH10BQ			V		

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

Phạm Thị Huyền

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00530

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 01 CBGD: Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10125082	VÕ VĂN	KIÊN	DH10BQ			7,5	7	5
38	10125083	NGÔ THỊ	KIỀU	DH10BQ			7,5	7	5
39	10125087	ĐÀNG THỊ MỸ	LỆ	DH10BQ			V	V	V
40	10125089	NGUYỄN MAI THÙY	LINH	DH10BQ			V	V	V
41	10125100	LÊ HOÀNG TRÚC	LY	DH10BQ			6,5	6	5
42	10125103	LÊ HÙNG	MINH	DH10BQ			7,0	7	0
43	10125105	NGUYỄN THỊ	MỸ	DH10BQ			6,0	6	0
44	10125108	NGUYỄN THỊ THANH	NGA	DH10BQ			6,5	6	5
45	10125111	NGUYỄN THỊ	NGỌT	DH10BQ			7,5	7	5
46	10125113	HOÀNG THỊ	NGUYỆT	DH10BQ			6,0	6	0
47	10125114	LÊ ĐỨC	NHÃ	DH10BQ			7,5	7	5
48	10125115	NGUYỄN THỊ	NHÂM	DH10BQ			6,5	6	5
49	10125117	NGÔ TIỂU	NHI	DH10BQ			5,5	5	5
50	10125120	TRẦN VĂN	NHIỀU	DH10BQ			4,5	4	5
51	10125122	LÊ NGỌC HOÀNG	NHUNG	DH10BQ			5,5	5	5
52	10125125	VÕ THỊ	NHUNG	DH10BQ			9,0	9	0
53	10125127	NGUYỄN THỊ KIỀU	OANH	DH10BQ			6,0	6	0
54	10125128	PHAN TRƯỜNG	PHI	DH10BQ			V	V	V

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TS. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 11 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00530

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 01 **CBGD:** Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	10125134	NGUYỄN THỊ TRÚC	PHƯƠNG	DH10BQ			5,5	5	5
56	10125136	LÂM THỊ NGỌC	PHƯỢNG	DH10BQ			8,0	8	0
57	10125137	LƯU THỊ	PHƯỢNG	DH10BQ			6,5	6	5
58	10125139	PHẠM ĐĂNG	QUANG	DH10BQ			6,5	6	5
59	10125140	TRẦN XUÂN	QUANG	DH10BQ			5,5	5	5
60	10125141	NGUYỄN THỊ NHƯ	QUANH	DH10BQ			5,0	5	0
61	10125142	TRẦN THỊ	QUYÊN	DH10BQ			8,0	8	0
62	10125144	LÊ NGUYỄN TRÚC	QUỲNH	DH10BQ			4,5	4	5
63	10125146	NGUYỄN THANH	TÂY	DH10BQ			V	V	
64	10125147	NGUYỄN THỊ XUÂN	THANH	DH10BQ			7,5	7	5
65	10125153	TRẦN QUANG	THÁI	DH10BQ			5,5	5	5
66	10125154	LÊ QUANG	THẮNG	DH10BQ			V	V	
67	10125156	BÙI XUÂN	THU	DH10BQ			8,5	8	5
68	10125157	LÊ CÔNG	THUẬN	DH10BQ			6,5	6	5
69	10125159	VÕ THỊ KIM	THUYỀN	DH10BQ			9,0	9	0
70	10125165	NGÔ THỊ CẨM	TIÊN	DH10BQ			6,0	6	0
71	10125166	NGUYỄN THỊ THÙY	TIÊN	DH10BQ			7,0	7	0
72	10125168	LÊ HOÀNG	TÍN	DH10BQ			7,0	7	0

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Thực giảng thị thanh Hường

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00530

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 01 **CBGD:** Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
73	10125169	ĐẶNG MINH	TRANG	DH10BQ			7,5	7	5
74	10125170	NGUYỄN THỊ ĐÀI	TRANG	DH10BQ			5,5	5	5
75	10125171	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	DH10BQ			8,0	8	0
76	10125172	PHAN THỊ KIỀU	TRANG	DH10BQ			7,5	7	5
77	10125173	TRỊNH THỊ MỸ	TRANG	DH10BQ			6,0	6	0
78	10125176	TRƯƠNG THỊ MỸ	TRÂM	DH10BQ			9,0	9	0
79	10125179	PHAN MẠNH	TUẤN	DH10BQ			6,5	6	5
80	10125180	TRẦN NGỌC	TUẤN	DH10BQ			6,5	6	5
81	10125181	TRẦN THỊ NGỌC	TUYÊN	DH10BQ			6,5	6	5
82	10125182	LÊ THỊ	TUYẾN	DH10BQ			6,5	6	5
83	10125184	ĐỖ THỊ THANH	TÚ	DH10BQ			V	V	V
84	10125187	HOÀNG THỊ KHÁNH	VÂN	DH10BQ			V	V	V
85	10125191	HUỲNH ĐÌNH THANH	VIỆT	DH10BQ			6,5	6	5
86	10125193	TỐNG KIM	VINH	DH10BQ			V	V	V
87	10125202	NGUYỄN THỊ	HIỀN	DH10BQ			6,0	6	0

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TS. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00531

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

DH10CH

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 04 **CBGD:** Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10131003	LƯU TUẤN	ANH	DH10CH			✓	10	0
2	10131004	NGUYỄN ĐÌNH	BẢO	DH10CH			✓	10	0
3	10131005	TRẦN GIA	BẢO	DH10CH			7,0	7	0
4	10131007	NGUYỄN TIẾN	CẦM	DH10CH			7,5	7	5
5	10131008	VÕ HỒNG LINH	CHI	DH10CH			3,5	3	5
6	10131010	NGÔ NGỌC	DUY	DH10CH			4,0	4	0
7	10131015	HUỲNH PHI	HẢI	DH10CH			✓	10	0
8	10131016	TRẦN THỊ	HẠNH	DH10CH			✓	10	0
9	10131017	ĐỖ THỊ LỆ	HIỀN	DH10CH			7,5	7	5
10	10131024	NGUYỄN THỊ NGỌC	HƯƠNG	DH10CH			8,5	8	5
11	10131027	LÊ THỊ THU	LỆ	DH10CH			9,5	9	5
12	10131028	TRẦN VŨ	LINH	DH10CH			6,0	6	0
13	10131029	NGUYỄN HOÀNG	LONG	DH10CH			7,0	7	0
14	10131031	DƯƠNG HIỂN	MAY	DH10CH			5,5	5	5
15	10131034	HÀ THANH	MỪNG	DH10CH			7,5	7	5
16	10131035	NGUYỄN THỊ DIỄM	MY	DH10CH			✓	10	0
17	10131036	TRƯƠNG KIM	NGÂN	DH10CH			5,5	5	5
18	10131039	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGỌC	DH10CH			✓	10	0

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

ThS. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn thị Thi

Ngày 16 tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00531

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 04 CBGD: Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10131043	NGUYỄN THỊ MINH	NGUYỆT	DH10CH			8,0	8	0
20	10131044	NGUYỄN THỊ VÂN	NHI	DH10CH			6,5	6	5
21	10131048	ĐỖ KHẮC THANH	QUANG	DH10CH			8,0	8	0
22	10131050	TRẦN NGỌC	QUÍ	DH10CH			4,5	4	5
23	10131051	HÀ THỊ PHƯỢNG	QUYÊN	DH10CH			9,0	9	0
24	10131052	NGUYỄN ĐỨC	QUYỀN	DH10CH			6,0	6	0
25	10131053	NGUYỄN THỊ	THA	DH10CH			6,0	6	0
26	10131057	TẠ DUY	THÔNG	DH10CH			9,0	9	0
27	10131058	THÁI THỊ THANH	THÚY	DH10CH			9,0	9	0
28	10131064	PHẠM MINH	TRÍ	DH10CH			7,5	7	5
29	10131068	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	DH10CH			4,5	4	5
30	10131069	ĐỖ QUỐC	TUẤN	DH10CH			8,5	8	5
31	10131072	NGUYỄN THỊ THANH	TUYỀN	DH10CH			✓		
32	10131074	LÊ TRẦN ANH	TÚ	DH10CH			5,5	5	5
33	10131075	TRẦN LÊ ĐỨC	TƯỜNG	DH10CH			✓		
34	10131078	NGÔ THỊ	VÂN	DH10CH			8,0	8	0
35	10131080	NGUYỄN THỊ	VUI	DH10CH			✓		
36	10131081	TRẦN TRIỆU	VỸ	DH10CH			5,0	5	0

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 16 tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02090

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 06 CBGD: Phạm Thị Huyền (637)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10111042	TRỊNH XUÂN	TUẤN	DH10CN			8,5	8	5
20	10111043	NGUYỄN HỒNG	TUYÊN	DH10CN			6,0	6	0
21	10111045	NGUYỄN MINH	VƯƠNG	DH10CN			8,0	8	0
22	10111046	NGUYỄN VĂN HUẤN	ĐỨC	DH10CN			6,5	6	5
23	10111048	NGUYỄN THỊ	DIỄM	DH10CN			6,0	6	0
24	10111050	NGÔ TRUNG	HIẾU	DH10CN			9,0	9	0
25	10111052	PHẠM KHÁNH	HUY	DH10CN			8,6	8	6
26	10111053	NGUYỄN VĂN	LUÂN	DH10CN			6,5	6	5
27	10111055	NGUYỄN HOÀNG	PHÚ	DH10CN			8,5	8	5
28	10111058	NGUYỄN VŨ HOÀNG	QUY	DH10CN			8,0	8	0
29	10111060	PHẠM TƯỜNG	HUY	DH10CN			8,0	8	0
30	10111062	HỒ THỊ HỒNG	THỊNH	DH10CN			7,0	7	0
31	10111064	LÊ HỒNG	HÒA	DH10CN			9,0	9	0
32	10112258	HOÀNG NGHIÊM BÁ	ĐẠT	DH10CN			8,0	8	0
33	10112271	LÊ TẤN	PHÁT	DH10CN					
34	10112290	PHAN THỊ	HÒA	DH10CN		Hòa	7,4	7	4

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

Nguyễn Thị Thái

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00532

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 06 CBGD: Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10111042	TRỊNH XUÂN	TUẤN	DH10CN			8,5	8	5
20	10111043	NGUYỄN HỒNG	TUYÊN	DH10CN			6,0	6	0
21	10111045	NGUYỄN MINH	VƯƠNG	DH10CN			8,0	8	0
22	10111046	NGUYỄN VĂN HUẤN	ĐỨC	DH10CN			6,5	6	5
23	10111048	NGUYỄN THỊ	DIỄM	DH10CN			6,0	6	0
24	10111050	NGÔ TRUNG	HIẾU	DH10CN			9,0	9	0
25	10111052	PHẠM KHÁNH	HUY	DH10CN			8,6	8	6
26	10111053	NGUYỄN VĂN	LUÂN	DH10CN			6,5	6	5
27	10111054	LẠI NGUYỄN HỒNG	NHUNG	DH10TT			9,0	9	0
28	10111055	NGUYỄN HOÀNG	PHÚ	DH10CN			8,5	8	5
29	10111058	NGUYỄN VŨ HOÀNG	QUY	DH10CN			8,0	8	0
30	10111060	PHẠM TƯỜNG	HUY	DH10CN			8,0	8	0
31	10111062	HỒ THỊ HỒNG	THỊNH	DH10CN			7,0	7	0
32	10111064	LÊ HỒNG	HÒA	DH10CN			9,0	9	0

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Thị Mai

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00532

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 06 **CBGD:** Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10111002	NGUYỄN HÙNG TUẤN	ANH	DH10CN			7,5	7	5
2	10111003	TRƯƠNG NGỌC	ANH	DH10CN			9,0	9	0
3	10111005	PHẠM MINH	CHÁNH	DH10CN			8,0	8	0
4	10111006	NGUYỄN CHÍ	CÔNG	DH10CN			5,6	5	6
5	10111007	TRẦN ĐÌNH	CƯƠNG	DH10CN			9,0	9	0
6	10111008	TRẦN ĐĂNG	CƯỜNG	DH10CN			6,0	6	0
7	10111010	NGUYỄN NGỌC PI GIA	ĐÔN	DH10CN			8,0	8	0
8	10111013	NGUYỄN VĂN	HIẾU	DH10CN			6,5	6	5
9	10111014	PHAN VÕ THANH	HÒA	DH10CN			7,5	7	5
10	10111018	NGUYỄN LONG	HỘI	DH10CN			8,5	8	5
11	10111021	PHẠM VIỆT	KHÁNH	DH10CN			8,0	8	0
12	10111022	ĐỖ ĐĂNG	LỢI	DH10CN			5,6	5	6
13	10111024	ĐẶNG KÝ	MẪN	DH10CN			7,0	7	0
14	10111027	TRƯƠNG VĂN	MỸ	DH10CN			7,0	7	0
15	10111030	ĐÀM VĂN	NỘI	DH10CN			9,5	9	5
16	10111033	NGUYỄN ANH	PHƯƠNG	DH10CN			7,0	7	0
17	10111038	TRẦN QUỐC	THẮNG	DH10CN			8,5	8	5
18	10111040	LÊ NAM	TRUNG	DH10CN			7,0	7	0

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Thị Mai

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00533

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

DH10DD

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 08 CBGD: Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10113103	DƯ QUẾ	NHUNG	DH10DD			6	6	0
2	10148002	PHẠM THỊ HOÀI	AN	DH10DD			V	0	0
3	10148004	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGỌC	DH10DD			V	0	0
4	10148006	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	DH10DD			7,5	7	5
5	10148008	PHẠM QUỲNH	ANH	DH10DD			6,5	6	5
6	10148010	VŨ QUỲNH	ANH	DH10DD			8,5	8	5
7	10148011	ĐẶNG NGUYỄN THIÊN	ÂN	DH10DD			V	0	0
8	10148012	TRỊNH THỊ THỪA	ÂN	DH10DD			5,5	5	5
9	10148014	VÕ THỊ	BÁU	DH10DD			4	4	0
10	10148016	HÀ YẾN	BÌNH	DH10DD			8	8	0
11	10148019	VÕ THỊ	CẨM	DH10DD			5	5	0
12	10148020	NGÔ VĂN	CHIẾN	DH10DD			6,5	6	5
13	10148022	PHẠM THỊ	CHIẾN	DH10DD			9	9	0
14	10148024	TRẦN ĐÌNH	CÔNG	DH10DD			7	7	0
15	10148025	NGUYỄN THỊ	CÚC	DH10DD			8	8	0
16	10148028	PHẠM PHÚ	CƯỜNG	DH10DD			8	8	0
17	10148029	NGUYỄN THỊ NGỌC	DIỆP	DH10DD			7	7	0
18	10148039	LÊ KIÊN	DŨNG	DH10DD			V	0	0

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00533

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 08 **CBGD:** Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10148041	LÊ THỊ THÙY	DƯƠNG	DH10DD			6	6	0
20	10148042	TRỊNH THỊ THÙY	DƯƠNG	DH10DD			7	7	0
21	10148043	NGUYỄN LINH	ĐA	DH10DD			7,5	7	5
22	10148044	NGUYỄN THỊ LAN	ĐÀI	DH10DD			3,5	3	5
23	10148049	VÕ THÀNH	ĐƯỢC	DH10DD			8	8	0
24	10148050	TRẦN ANH	ĐỨC	DH10DD			8	8	0
25	10148052	NGUYỄN THỊ	ÉN	DH10DD			3	3	0
26	10148053	HUỲNH THỊ	GIANG	DH10DD			7,5	7	5
27	10148054	HUỲNH THỊ CẨM	GIANG	DH10DD			9	9	0
28	10148058	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	DH10DD			8,5	8	5
29	10148060	TRẦN THỊ	HÀO	DH10DD			6	6	0
30	10148062	MAI THỊ	HẠNH	DH10DD			8	8	0
31	10148064	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	DH10DD			8	8	0
32	10148065	NGUYỄN THỊ NGỌC	HẠNH	DH10DD			7	7	0
33	10148068	TRẦN THỊ THÚY	HẰNG	DH10DD			8	8	0
34	10148081	TRẦN VĂN	HÒA	DH10DD			8	8	0
35	10148082	NGUYỄN XUÂN	HỒNG	DH10DD			7	7	0
36	10148083	PHAN THỊ THANH	HỒNG	DH10DD			7	7	0

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00533

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 08 CBGD: Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10148084	PHẠM TRẦN BÍCH	HỒNG	DH10DD			8,5	8	5
38	10148088	TRẦN QUANG	HUY	DH10DD			9	9	0
39	10148096	VĂN THANH	HUYỀN	DH10DD			8	8	0
40	10148099	CHÂU THỊ NGỌC	HƯƠNG	DH10DD			8	8	0
41	10148090	Hồ Ngọc Thuyền		DH10DD			5,5	5	5

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00534

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

DH10DD

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 09 CBGD: Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10148100	ĐÀO KIM	HƯƠNG	DH10DD			8,5	8	5
2	10148101	LÊ THỊ KIM	HƯƠNG	DH10DD			9	9	0
3	10148103	NGUYỄN THỊ NGỌC	HƯƠNG	DH10DD			4	4	0
4	10148104	LÊ THỊ	HƯỜNG	DH10DD			6	6	0
5	10148107	TRẦN THỊ MINH	HƯỜNG	DH10DD			8,5	8	5
6	10148112	PHẠM THỊ	KHÁNH	DH10DD			6,5	6	5
7	10148116	HÀ THANH	LAN	DH10DD			9	9	0
8	10148122	THÂN THỊ HƯƠNG	LIỄU	DH10DD			3	3	0
9	10148123	ĐINH THÙY	LINH	DH10DD			8	8	0
10	10148124	LÊ THỊ	LINH	DH10DD			8,5	8	5
11	10148125	NGÔ THỊ ÁNH	LINH	DH10DD			6,5	6	5
12	10148127	NGUYỄN THỊ YẾN	LINH	DH10DD			8	8	0
13	10148128	TRẦN THỊ THÙY	LINH	DH10DD			7	7	0
14	10148133	NGUYỄN KIM	LOAN	DH10DD			6	6	0
15	10148136	LÊ ĐÌNH THIÊN	LONG	DH10DD			Vắng		
16	10148140	NGUYỄN ÁI	LY	DH10DD			9	9	0
17	10148143	HUỲNH TRẦN HOÀNG	MINH	DH10DD			4,5	4	5
18	10148150	NGUYỄN TRẦN DIỄM	MY	DH10DD			7	7	0

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00534

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 09 **CBGD:** Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10148152	BÙI THỊ LÊ	NA	DH10DD			9,5	9	5
20	10148153	LÊ HỒNG	NAM	DH10DD			8,5	8	5
21	10148155	NGUYỄN THỊ THÚY	NGA	DH10DD			5	5	0
22	10148158	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	DH10DD			✓	V	
23	10148159	PHẠM THỊ KIM	NGÂN	DH10DD			7,5	7	5
24	10148160	VÕ THỊ KIM	NGÂN	DH10DD			6,5	6	5
25	10148164	NGUYỄN HỒ HỒNG	NGỌC	DH10DD			✓	V	
26	10148168	THÂN THỊ	NGỌC	DH10DD			5	5	0
27	10148169	LƯU THẢO	NGUYÊN	DH10DD			6	6	0
28	10148171	ĐINH VĂN	NHÂN	DH10DD			6	6	0
29	10148174	ĐẶNG THỊ MINH	NHẬT	DH10DD			6,5	6	5
30	10148175	PHẠM HOÀNG XUÂN	NHẬT	DH10DD			✓	V	
31	10148176	DƯƠNG THỊ HỒNG	NHIÊN	DH10DD			7,5	7	5
32	10148179	NGUYỄN THỊ THÙY	NHUNG	DH10DD			6	6	0
33	10148181	TRẦN THỊ CẨM	NHUNG	DH10DD			6,5	6	5
34	10148184	MAI THỊ KIỀU	OANH	DH10DD			3,5	3	5
35	10148185	ĐỖ THANH	PHONG	DH10DD			9	9	0
36	10148186	LÊ HỒNG	PHONG	DH10DD			✓	V	

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00534

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 09 CBGD: Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10148189	HUỲNH BÍCH	PHƯƠNG	DH10DD			5,5	5	5
38	10148191	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHƯƠNG	DH10DD			V	V	V
39	10148192	NGUYỄN THỊ KIM	PHƯƠNG	DH10DD			6	6	0
40	10148197	VŨ MINH	PHƯỢNG	DH10DD			8,5	8	5
41	10148198	VŨ THỊ	PHƯỢNG	DH10DD			8,5	8	5
42	10148204	TẠ THỊ THÚY	QUỲNH	DH10DD			7	7	0
43	10148208	HOÀNG VĂN	TẠO	DH10DD			V	V	V
44	10148214	ĐINH THỊ MỸ	THANH	DH10DD			5	5	0
45	10148216	PHẠM THỊ HƯƠNG	THANH	DH10DD			7	7	0
46	10148217	TRẦN THỊ KIM	THANH	DH10DD			6,5	6	5
47	10148225	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	DH10DD			6	6	0
48	10148226	NGUYỄN THỊ NGỌC	THẢO	DH10DD			7,5	7	5
49	10148227	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	DH10DD			8,5	8	5
50	10148229	TRƯƠNG THỊ	THẢO	DH10DD			5	5	0
51	10148236	PHAN THỊ	THU	DH10DD			4,5	4	5
52	10148242	HUỲNH PHẠM THANH	THỦY	DH10DD			9	9	0
53	10148244	PHAN THỊ THANH	THÚY	DH10DD			4	4	0
54	10148245	CÁI THỊ KIM	THÙY	DH10DD			8,5	8	5

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00534

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 09 **CBGD:** Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	10148246	NGÔ THỊ YẾN	THÙY	DH10DD			9	9	0
56	10148247	ĐỖ THỊ	THÚY	DH10DD			7,5	7	5
57	10148248	LÊ KIM	THÚY	DH10DD			4,5	4	5
58	10148254	TRẦN THỊ ANH	THƯ	DH10DD			8,5	8	5
59	10148257	NGÔ THỊ	THƯƠNG	DH10DD			6	6	0
60	10148260	TRƯƠNG THỊ	THƯƠNG	DH10DD			7,5	7	5
61	10148262	NGUYỄN NGỌC	TIẾN	DH10DD			9,5	9	5
62	10148264	DƯƠNG NGỌC	TRANG	DH10DD			8	8	0
63	10148269	PHAN THỊ THÙY	TRANG	DH10DD			8	8	0
64	10148271	TRẦN NGỌC DIỄM	TRANG	DH10DD			5	5	0
65	10148272	TRƯƠNG THỊ THÙY	TRANG	DH10DD			8,5	8	5
66	10148273	VÕ THỊ HẠC	TRANG	DH10DD			6,5	6	5
67	10148274	PHẠM BÍCH	TRÀ	DH10DD			7	7	0
68	10148276	LÊ BẠCH NGỌC	TRÂN	DH10DD			8	8	0
69	10148279	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	TRINH	DH10DD			9	9	0
70	10148281	MAI HOÀNG	TRÍ	DH10DD			V	V	
71	10148284	NGUYỄN VĂN	TRUNG	DH10DD			4	4	0
72	10148286	HUỲNH THỊ THANH	TRUYỀN	DH10DD			V	V	

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00534

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 09 CBGD: Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
73	10148287	LÝ THỊ CẨM	TRUYỀN	DH10DD			8,5	8	5
74	10148290	PHẠM THỊ HOÀNG	TRÚC	DH10DD			7,5	7	5
75	10148291	TRẦN THỊ THANH	TRÚC	DH10DD			4	4	0
76	10148292	TRƯƠNG THỊ THANH	TRÚC	DH10DD			3,5	3	5
77	10148293	VÕ THỊ THANH	TRÚC	DH10DD			6,6	6	6
78	10148298	HỒ THỊ KIM	TUYẾN	DH10DD			7	7	0
79	10148299	NGUYỄN THỊ NGỌC	TUYẾT	DH10DD			9	9	0
80	10148300	MAI HOÀNG	TÚ	DH10DD			9	9	0
81	10148301	NGUYỄN THẢO	UYÊN	DH10DD			8,5	8	5
82	10148306	NGUYỄN THỊ BÍCH	VÂN	DH10DD			6,5	6	5
83	10148308	PHẠM THỊ TÀI	VÂN	DH10DD			8,5	8	5
84	10148309	THÁI THỊ THU	VÂN	DH10DD			4,5	4	5
85	10148310	TRƯƠNG ĐẶNG THANH	VÂN	DH10DD			4,5	4	5
86	10148312	NGUYỄN XUÂN	VĨ	DH10DD			9	9	0
87	10148315	HUỲNH THỊ BÍCH	VƯƠNG	DH10DD			7	7	0
88	10148319	NGUYỄN THỊ NGỌC	YẾN	DH10DD			4,5	4	5
89	10148320	PHÙNG THỊ NGỌC	YẾN	DH10DD			6,5	6	5
90	10148321	HUỲNH THỊ NHƯ	Ý	DH10DD			5	5	0

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00534

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 09 CBGD: Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
91	10148322	KIỀU MAI	ANH	DH10DD		Anh	7	7	0
92	10148326	LÊ BÍCH	TUYỀN	DH10DD		Tuyền	5	5	0
93	10157170	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	DH10DL				0	0

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00535

DH10DL

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 10

CBGD: Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10157004	VÕ THỊ THU	AN	DH10DL			4,7	4	7
2	10157005	CHU TUẤN	ANH	DH10DL			5,3	5	3
3	10157008	PHẠM THỊ KIM	ANH	DH10DL			8,0	8	0
4	10157013	ĐINH TRUNG	CANG	DH10DL			7,4	7	4
5	10157014	NÔNG VĂN	CẢNH	DH10DL			4,5	4	5
6	10157016	NGUYỄN THỊ KIM	CHÂU	DH10DL			✓		
7	10157017	VÕ THỊ	CHÂU	DH10DL			6,5	6	5
8	10157018	LÊ THỊ KIM	CHI	DH10DL			9,5	9	5
9	10157021	ĐOÀN VĂN	CHIẾN	DH10DL			7,6	7	6
10	10157022	NGUYỄN VĂN	CHIẾN	DH10DL			5,5	5	5
11	10157024	NGUYỄN THỊ	CHUNG	DH10DL			5,5	5	5
12	10157028	LÊ HUY	CƯỜNG	DH10DL			9,0	9	0
13	10157030	NGUYỄN XUÂN	DU	DH10DL			8,3	8	3
14	10157033	NGUYỄN HOÀNG	DUY	DH10DL			8,2	8	2
15	10157039	TRẦN VĂN	ĐẠT	DH10DL			7,0	7	0
16	10157041	TRƯƠNG ĐOÀN	ĐỊNH	DH10DL			8,0	8	0
17	10157045	NGUYỄN THỊ HỒNG	GẤM	DH10DL			5,5	5	5
18	10157049	LÊ VĂN NGỌC	HẠNH	DH10DL			✓		

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 00535

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 10

CBGD: Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10157050	ĐẶNG THỊ NHƯ	HÀ	DH10DL			8,0	8	0
20	10157054	NGUYỄN SONG	HÀO	DH10DL			4,0	4	0
21	10157056	NGUYỄN VŨ	HẢO	DH10DL			3,0	3	0
22	10157057	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	DH10DL			5,5	5	5
23	10157058	PHẠM THỊ NHƯ	HẠNH	DH10DL			V	V	V
24	10157059	VŨ THỊ	HẠNH	DH10DL			5,5	5	5
25	10157061	LÊ THỊ MỸ	HIỀN	DH10DL			8,0	8	0
26	10157066	LÊ QUANG	HÒA	DH10DL			10	10	0
27	10157068	NGUYỄN LONG	HỒ	DH10DL			7,0	7	0
28	10157070	HOÀNG THỊ KIM	HUỆ	DH10DL			6,5	6	5
29	10157074	HOÀNG THỊ	HƯƠNG	DH10DL			6,5	6	5
30	10157078	NGUYỄN TRẦN QUỐC	KHÁNH	DH10DL			9,5	9	5
31	10157080	VÕ CHÂU VIỆT	KHUÊ	DH10DL			7,5	7	5
32	10157084	NGUYỄN THỊ	LÉN	DH10DL			6,0	6	0
33	10157085	NGUYỄN THỊ CẨM	LỆ	DH10DL			6,0	6	0
34	10157086	HUỲNH THỊ BÍCH	LIÊM	DH10DL			10	10	0
35	10157087	ĐẶNG THỊ	LIỄU	DH10DL			9,0	9	0
36	10157089	NGUYỄN THỊ TIỂU	LINH	DH10DL			9,0	9	0

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TS. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00535

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 10 **CBGD:** Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10157094	NGUYỄN THỊ TUYẾT	LOAN	DH10DL			8,5	8	5
38	10157095	BÙI HỮU	LONG	DH10DL			9,0	9	0
39	10157096	NGUYỄN HOÀNG LINH	LONG	DH10DL			8,0	8	0
40	10157099	PHẠM PHƯỚC	LỘC	DH10DL			8,2	8	2

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00536

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

DH10DL

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 11 CBGD: Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10157100	NGUYỄN THỊ MY	LY	DH10DL			8,5	8	5
2	10157101	PHẠM THỊ KHÁNH	LY	DH10DL			8,5	8	5
3	10157106	PHÍ HƯƠNG	MAI	DH10DL			7,0	7	0
4	10157107	NGUYỄN TUẤN	MẠNH	DH10DL			7,5	7	5
5	10157109	ĐẶNG CÔNG	MINH	DH10DL			8,7	8	7
6	10157110	TRẦN THANH	MINH	DH10DL			7,0	7	0
7	10157112	TƯỜNG THỤC	MỸ	DH10DL			7,0	7	0
8	10157116	NGUYỄN THỊ THANH	NGA	DH10DL			6,5	6	5
9	10157119	LÊ THỊ KIM	NGÂN	DH10DL			7,0	7	0
10	10157120	LÝ THẢO	NGÂN	DH10DL			6,0	6	0
11	10157123	LÊ VĂN	NGHĨA	DH10DL			7,0	7	0
12	10157124	VÕ THỊ MỸ	NGỌC	DH10DL			9,0	9	0
13	10157125	ĐẶNG MINH	NGUYÊN	DH10DL			7,5	7	5
14	10157126	NGUYỄN THỊ THU	NGUYỆT	DH10DL			9,0	9	0
15	10157131	DƯƠNG THỊ MỸ	NHI	DH10DL			4,5	4	5
16	10157137	LÊ THỊ MỸ	NHUNG	DH10DL			8,2	8	2
17	10157140	TRẦN THỊ NI	NI	DH10DL			7,0	7	0
18	10157141	DƯƠNG THỊ KIM	OANH	DH10DL			8,3	8	3

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00536

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 11 CBGD: Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10157142	LÀO VĂN	PHẤN	DH10DL			6,5	6	5
20	10157145	ĐỖ PHI	PHÚC	DH10DL			7,0	7	0
21	10157148	LÝ HOÀNG	PHÚC	DH10DL			5,0	5	0
22	10157151	BÙI THỊ BÍCH	PHƯƠNG	DH10DL			7,5	7	5
23	10157152	PHẠM UYÊN	PHƯƠNG	DH10DL			9,5	9	5
24	10157153	NGÔ MINH	QUÂN	DH10DL			4,2	4	2
25	10157154	NGUYỄN HỒNG	QUÂN	DH10DL			6,0	6	0
26	10157158	VÕ BÁ	TÀI	DH10DL			7,5	7	5
27	10157160	HOÀNG THỊ BĂNG	TÂM	DH10DL			8,0	8	0
28	10157161	NGUYỄN THỊ ĐAN	TÂM	DH10DL			6,5	6	5
29	10157165	NGUYỄN HOÀI	THANH	DH10DL			7,5	7	5
30	10157167	ĐẶNG NGUYỄN DẠ	THẢO	DH10DL			5,5	5	5
31	10157169	LÊ THỊ BÉ	THẢO	DH10DL			6,0	6	0
32	10157173	TÔ HỒNG	THẮM	DH10DL			7,5	7	5
33	10157174	TRẦN HUỲNH	THẮM	DH10DL			10	10	0
34	10157175	NGUYỄN THỊ THU	THẢN	DH10DL			5,5	5	5
35	10157179	TRẦN THỊ KIM	THI	DH10DL			7,0	7	0
36	10157183	HỒ THỊ KIM	THOA	DH10DL					

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00536

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 11 **CBGD:** Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10157184	TĂNG NGỌC	THUẬN	DH10DL			4,5	4	5
38	10157188	TRẦN THỊ	THỦY	DH10DL			8,5	8	5
39	10157189	PHẠM THỊ MINH	THƯ	DH10DL			7,0	7	0
40	10157191	NGUYỄN THỊ	THƯƠNG	DH10DL			8,5	8	5

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00537

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

DH10DL

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 12 **CBGD:** Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10157192	PHẠM THỊ KIM	THƯƠNG	DH10DL			4,0	4	0
2	10157193	CHU HIẾU	TIÊN	DH10DL			8,0	8	0
3	10157197	NGUYỄN DUY	TÍN	DH10DL			7,0	7	0
4	10157199	BÙI THỊ THU	TRANG	DH10DL			3,5	3	5
5	10157201	HOÀNG THỊ QUỲNH	TRANG	DH10DL					
6	10157204	NGUYỄN THÀNH VÂN	TRANG	DH10DL			5,0	5	0
7	10157207	TRẦN THỊ KIỀU	TRANG	DH10DL			8,0	8	0
8	10157210	BÙI THỊ BÀO	TRÂM	DH10DL			7,5	7	5
9	10157211	NGUYỄN THỊ BẢO	TRÂM	DH10DL			6,5	6	5
10	10157212	HUỲNH THỊ HUYỀN	TRÂN	DH10DL			9,0	9	0
11	10157213	VÕ NGỌC	TRÂN	DH10DL			8,5	8	5
12	10157218	NGUYỄN NHƯ	TRƯỜNG	DH10DL			7,0	7	0
13	10157221	PHAN THANH	TUYỀN	DH10DL			4,5	4	5
14	10157224	HOÀNG THỊ CẨM	TÚ	DH10DL			8,5	8	5
15	10157226	NGUYỄN HOÀNG CẨM	TÚ	DH10DL			6,5	6	5
16	10157227	NGUYỄN	TƯ	DH10DL			10	10	0
17	10157231	LÊ VĂN	VĨNH	DH10DL			6,5	6	5
18	10157233	LÊ HÙNG	VƯƠNG	DH10DL			5,8	5	8

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TS. LÊ NGỌC THÔNG

Thạc sĩ Trần Thị Thanh Hương

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00537

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 12 CBGD: Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10157236	TRÀ THỊ KIM	YẾN	DH10DL			7,0	7	0
20	10157237	ĐẶNG THÚY	AN	DH10DL			8,5	8	5
21	10157239	TRẦN QUỐC	TUẤN	DH10DL			6,5	6	5

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00538

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 13 **CBGD:** Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10142001	ĐỒNG THỊ LAN	ANH	DH10DY			7,0	7	0
2	10142006	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	BÌNH	DH10DY			8,0	8	0
3	10142008	PHẠM THỊ KIM	CHI	DH10DY			6,5	6	5
4	10142014	NGUYỄN DUY	CỪ	DH10DY			7,0	7	0
5	10142015	NGUYỄN THY	DIỄM	DH10DY			6,5	6	5
6	10142018	ĐẶNG VĂN	DIỄN	DH10DY			7,5	7	5
7	10142019	NGUYỄN THỊ THANH	DUNG	DH10DY			5,0	5	0
8	10142020	NGUYỄN THÙY	DUNG	DH10DY			7,0	7	0
9	10142028	LÊ HẢI	DƯƠNG	DH10DY			9,5	9	5
10	10142029	TRẦN THỊ THÙY	DƯƠNG	DH10DY			9,5	9	5
11	10142032	NGUYỄN MINH	ĐĂNG	DH10DY			8,5	8	5
12	10142037	NGUYỄN THỊ	HẠNH	DH10DY			8,0	8	0
13	10142039	NÔNG THỊ MỸ	HẠNH	DH10DY			9,5	9	5
14	10142041	NGUYỄN THỊ BÍCH	HẰNG	DH10DY			9,0	9	0
15	10142044	BÙI THỊ QUỲNH	HOA	DH10DY			6,0	6	0
16	10142045	NGUYỄN THỊ	HOA	DH10DY			10	10	0
17	10142046	CAO THỊ	HOÀI	DH10DY			8,5	8	5
18	10142047	ĐỖ DUY	HOÀI	DH10DY			10	10	0

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00538

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 13 CBGD: Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10142048	NGUYỄN THANH	HOÀI	DH10DY			9,5	9	5
20	10142054	ĐẶNG THỊ	HUYỀN	DH10DY			V	V	
21	10142055	HUỲNH THỊ NGỌC	HUYỀN	DH10DY			8,5	8	5
22	10142064	PHẠM THỊ THIÊN	KIỀU	DH10DY			8,0	8	0
23	10142069	HÀ MINH	LÂN	DH10DY			3,0	3	0
24	10142072	TRẦN SĨ	LIÊM	DH10DY			8,5	8	5
25	10142074	ĐỖ THỊ	LIÊN	DH10DY			7,0	7	0
26	10142076	TRẦN THỊ KIM	LIÊN	DH10DY			8,0	8	0
27	10142077	TRƯƠNG HOÀNG MỸ	LINH	DH10DY			9,0	9	0
28	10142078	VÕ THỊ MỸ	LINH	DH10DY			9,5	9	5
29	10142082	ĐOÀN THÀNH	LONG	DH10DY			6,5	6	5
30	10142083	LÊ THỊ BÍCH	LY	DH10DY			3,5	3	5
31	10142084	LÊ THỊ THU	MAI	DH10DY			7,0	7	0
32	10142085	HỒ NGỌC DIỄM	MI	DH10DY			7,5	7	5
33	10142086	NGUYỄN THỊ HUỲNH	MI	DH10DY			5,0	5	0
34	10142087	NGUYỄN THỊ	MIỀN	DH10DY			6,0	6	0
35	10142088	CHỀNH GIA	MINH	DH10DY			8,5	8	5
36	10142089	ĐINH NGUYỄN HOÀNG	MINH	DH10DY			6,0	6	0

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00538

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 13 **CBGD:** Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10142091	TRẦN THỊ DIỄM	MY	DH10DY		My	8,0	8	0
38	10142097	TRẦN LÊ VŨ	NGHI	DH10DY		Nghi	6,0	6	0
39	10142100	TRẦN THÙY NHƯ	NGUYỆN	DH10DY		Nguyện	6,5	6	5
40	10142101	TRƯƠNG THỊ BÍCH	NGUYỆN	DH10DY		K	6,5	6	5
41	10142102	NGUYỄN THỊ	NHÃ	DH10DY		Nhã	7,5	7	5
42	10142103	NGUYỄN NGỌC LINH	NHẠN	DH10DY		Nhạn	7,0	7	0
43	10142104	HUỲNH NGỌC	NHÂN	DH10DY		Nhân	6,0	6	0
44	10142108	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	DH10DY		Nhi	7,0	7	0
45	10142110	TỪ NHƯ	NHỊ	DH10DY		Nh	8,5	8	5
46	10142114	LÊ NGỌC	NỮ	DH10DY		Nữ	6,5	6	5
47	10142115	MAI THỊ	OANH	DH10DY		Oanh	7,0	7	0
48	10142116	VŨ TỲ	PHÚ	DH10DY		Phú	5,5	5	5
49	10142117	NGUYỄN HỮU	PHÚC	DH10DY		Phúc	7,0	7	0
50	10142118	NGUYỄN VÕ MINH	PHÚC	DH10DY		Phúc	9,5	9	5

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00539

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 14 **CBGD:** Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10142121	HOÀNG THỊ MINH	PHƯỢNG	DH10DY			7,5	7	5
2	10142122	HUỲNH THỊ HỒNG	PHƯỢNG	DH10DY			7,0	7	0
3	10142124	LÊ THẢO	QUYÊN	DH10DY			7,0	7	0
4	10142125	TRẦN THỊ TÚ	QUYÊN	DH10DY			6,0	6	0
5	10142126	NGUYỄN THỊ NHƯ	QUỲNH	DH10DY			4,5	4	5
6	10142127	HỒ THỊ	SANG	DH10DY			9,0	9	0
7	10142128	ĐINH THỊ HỒNG	SON	DH10DY			6,5	6	5
8	10142130	NGUYỄN NHƯ	SƠN	DH10DY			7,5	7	5
9	10142131	NGUYỄN THỊ THẢO	SƯƠNG	DH10DY			4,0	4	0
10	10142137	BÙI THỊ MỸ	THANH	DH10DY			7,0	7	0
11	10142143	DƯƠNG MẬU	THÀNH	DH10DY			6,0	6	0
12	10142146	DƯƠNG THỊ THANH	THẢO	DH10DY			8,5	8	5
13	10142149	LÊ THỊ THU	THẢO	DH10DY			8,0	8	0
14	10142151	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	DH10DY			9,0	9	0
15	10142153	LÊ THỊ XUÂN	THẮM	DH10DY			5,5	5	5
16	10142159	MAI HOÀNG PHƯỚC	THỊNH	DH10DY			7,5	7	5
17	10142163	TRẦN THỊ KIM	THƠ	DH10DY			V	V	
18	10142164	ĐỖ THỊ PHƯƠNG	THÚY	DH10DY			7,0	7	0

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TH.S. LÊ BƯỚC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00539

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 14 **CBGD:** Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10142165	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG	THÚY	DH10DY			V	0	0
20	10142166	HOÀNG THỊ BÍCH	THỦY	DH10DY			8,5	8	5
21	10142167	LÊ THỊ THANH	THỦY	DH10DY			8,5	8	5
22	10142168	NGUYỄN THỊ THANH	THỦY	DH10DY			8,5	8	5
23	10142174	TRẦN MINH	TIẾN	DH10DY			7,5	7	5
24	10142177	TẠ THỊ	TƠN	DH10DY			5,5	5	5
25	10142179	ĐỖ THỊ HUYỀN	TRANG	DH10DY			5,0	5	0
26	10142182	MAN THỊ NGỌC	TRÂM	DH10DY			9,0	9	0
27	10142184	ĐÀO THU	TRINH	DH10DY			6,0	6	0
28	10142186	NGUYỄN HỮU	TRÍ	DH10DY			8,0	8	0
29	10142188	LƯU THỊ THU	TRÚC	DH10DY			6,0	6	0
30	10142191	NGUYỄN THỊ TÂM	TUYỀN	DH10DY			8,5	8	5
31	10142192	LÂM ÁNH	TUYẾT	DH10DY			7,0	7	0
32	10142193	TRẦN THỊ	TUYẾT	DH10DY			V	0	0
33	10142199	HỒ NGỌC TƯỜNG	VI	DH10DY			5,5	5	5
34	10142202	NGUYỄN TOÀN	VINH	DH10DY			9,0	9	0
35	10142206	TRẦN THỊ LỆ	XUÂN	DH10DY			8,0	8	0
36	10142208	NGUYỄN THỊ KIM	XUYẾN	DH10DY			6,0	6	0

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00539

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 14 CBGD: Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10142209	TRẦN NGỌC	YÊN	DH10DY			9,0	9	0
38	10142213	TRƯƠNG HOÀNG	ÁNH	DH10DY			3,5	3	5
39	10142218	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	DH10DY			8,0	8	0
40	10142219	THỊ MỸ	HẠNH	DH10DY			6,5	6	5

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00540

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : **Thực hành Sinh học Đại cương - 16** CBGD: **Nguyễn Thị Mai (666)**

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10116002	PHAN THIÊN	AN	DH10NT			8,0	8	0
2	10116003	MAI THỊ VÂN	ANH	DH10NT			8,0	8	0
3	10116007	TRƯƠNG THIỆN	BẰNG	DH10NT			6,5	6	5
4	10116008	LÊ VŨ HÒA	BÌNH	DH10NT			✓		
5	10116015	PHAN VĂN	CƯƠNG	DH10NT			4,5	4	5
6	10116022	VŨ THỊ	DUYÊN	DH10NT			9,0	9	0
7	10116025	NGÔ TẤN	ĐẠI	DH10NT			5,0	5	0
8	10116031	NGUYỄN THỊ HÀ	GIANG	DH10NT			7,0	7	0
9	10116032	PHẠM THANH	GIANG	DH10NT			4,0	4	0
10	10116037	PHẠM KIM	HẠNH	DH10NT			✓		
11	10116038	MAI HƯNG	HẬU	DH10NT			3,0	3	0
12	10116046	PHẠM THẾ	HOAN	DH10NT			4,0	4	0
13	10116048	THÂN TRỌNG	HÒA	DH10NT			5,0	5	0
14	10116051	NGUYỄN MINH	HOÀNG	DH10NT			✓		
15	10116054	NGÔ THỊ	HUỆ	DH10NT			✓		
16	10116055	HUỲNH QUỐC	HUY	DH10NT			✓		
17	10116060	NGUYỄN NGỌC	KHÁNH	DH10NT			4,0	4	0
18	10116061	LÊ ANH	KHOA	DH10NT			2,5	2	5

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TS. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00540

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 16 **CBGD:** Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10116064	TRƯƠNG MINH	LÂU	DH10NT		Lâu	3,5	3	5
20	10116066	TRỊNH THỊ	LIỄU	DH10NT		Liễu	8,0	8	0
21	10116067	HUỲNH VĂN	LINH	DH10NT		Linh	8,0	8	0
22	10116070	VÕ HÙNG	LINH	DH10NT			V	V	
23	10116071	NGÔ NHẤT	LONG	DH10NT		Nhất	7,5	7	5
24	10116075	NGUYỄN THỊ HUỲNH	MAI	DH10NT		Mai	9,0	9	0
25	10116077	NGUYỄN THẢO	MY	DH10NT		Thảo My	7,0	7	0
26	10116084	HỒ THỊ	NGUYỆT	DH10NT			8,0	8	0
27	10116086	NGUYỄN THÀNH	NHÂN	DH10NT			6,0	6	0
28	10116087	TRẦN HOÀI	NHÂN	DH10NT			5,0	5	0
29	10116090	NGUYỄN HOÀNG	NHẬT	DH10NT			8,0	8	0
30	10116091	NGUYỄN MINH	NHẬT	DH10NT			6,0	6	0
31	10116092	HOÀNG THỊ HỒNG	NHUNG	DH10NT		Nhung	7,0	7	0
32	10116093	LÊ THỊ QUỲNH	NHƯ	DH10NT			V	V	
33	10116094	LÊ HỒNG	PHONG	DH10NT		Phong	6,0	6	0
34	10116096	NGUYỄN VĂN	PHÚC	DH10NT			7,5	7	5
35	10116099	VÕ TRẦN NHẬT	PHƯƠNG	DH10NT			V	V	
36	10116105	HUỲNH TẤN	SANG	DH10NT			7,0	7	0

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TH.S LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00540

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 16 **CBGD:** Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10116106	NGUYỄN THANH	SƯƠNG	DH10NT			7,0	7	0
38	10116107	CHÂU THANH	SỬ	DH10NT			7,5	7	5
39	10116112	TRẦN VĂN	TÂM	DH10NT			7,0	7	0
40	10116119	LÊ XUÂN	THÀNH	DH10NT			V	V	
41	10116126	VÕ VĂN	THIỆN	DH10NT			8,0	8	0
42	10116128	CHÂU THỊ KIM	THOA	DH10NT			8,5	8	5
43	10116131	LÊ THỊ	THÙY	DH10NT			6,0	6	0
44	10116133	ĐẶNG THỊ ANH	THƯ	DH10NT			8,0	8	0
45	10116135	NGUYỄN	TIẾN	DH10NT			5,0	5	0
46	10116141	NGUYỄN QUỐC	TOÁN	DH10NT			7,0	7	0
47	10116144	NGUYỄN NHẬT	TRÂM	DH10NT			6,0	6	0
48	10116147	VŨ VIẾT	TRÍ	DH10NT			7,5	7	5
49	10116154	LÊ THANH	TÙNG	DH10NT			3,5	3	5
50	10116155	PHẠM THANH	TÙNG	DH10NT			V	V	
51	10116156	NGUYỄN THANH	TÚ	DH10NT			7,0	7	0
52	10116161	NGUYỄN NHƯ	Ý	DH10NT			6,0	6	0
53	10116162	NGUYỄN QUỐC GIA	HƯNG	DH10NT			V	V	
54	10116163	TRẦN KHÁNH	TRÀ	DH10NT			4,0	4	0

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00540

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 16 **CBGD:** Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	10116165	NGUYỄN THỊ THÚY	AN	DH10NT			7,0	7	0
56	10116166	LÂM ĐỨC	TÀI	DH10NT			4,0	4	0
57	10116167	BÁ THỊ	HUỆ	DH10NT			6,0	6	0

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00541

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

DH10NY

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 17

CBGD: Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10141002	LÊ VĂN TRƯỜNG	AN	DH10NY			6,5	6	5
2	10141006	ĐOÀN MINH	KIỆT	DH10NY			6,5	6	5
3	10141007	ĐẶNG HỒNG	NGỌC	DH10NY			8,5	8	5
4	10141009	MAI THANH	PHONG	DH10NY			6,5	6	5
5	10141010	HỒ VĂN	PHÚ	DH10NY			6,0	6	0
6	10141016	VÕ THỊ KIM	THANH	DH10NY			8,5	8	5
7	10141017	NGUYỄN TẤN	THÀNH	DH10NY		Vắng	V	V	V
8	10141019	NGUYỄN BẢO	THÁI	DH10NY			6,5	6	5
9	10141024	TRỊNH THỊ HỒNG	THỦY	DH10NY			6,5	6	5
10	10141026	NGUYỄN ANH	THƯ	DH10NY		Vắng	V	V	V
11	10141028	HUỲNH MẪN	NGUYÊN	DH10NY			7,5	7	5
12	10141030	NGUYỄN MAI	NGHI	DH10NY			4,5	4	5
13	10141032	TIÊU QUỐC	VINH	DH10NY			8,0	8	0
14	10141038	NGUYỄN THỊ	LĨNH	DH10NY		Vắng	V	V	V
15	10141041	LÊ THỊ TRÚC	MAI	DH10NY			6,5	6	5
16	10141043	HỒ HỒNG	NHUNG	DH10NY			4,5	4	5
17	10141044	NGUYỄN HỒ NGỌC	BẢO	DH10NY		Vắng	V	V	V
18	10141046	LÊ THỊ VÂN	LINH	DH10NY			6,5	6	5

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00542

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 19 CBGD: Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09126124	TRƯƠNG NHẬT	MINH	DH10SH			V	0	
2	10126006	LÊ THỊ	ÂN	DH10SH			10	10	
3	10126009	NGUYỄN THỊ	CAM	DH10SH			8,5	8	5
4	10126012	TRƯƠNG LÊ LỆ	CHI	DH10SH			7,0	7	0
5	10126015	VŨ THỊ THÚY	DIỄM	DH10SH			5,5	5	5
6	10126017	NGUYỄN HỒ MỸ	DUNG	DH10SH			9,0	9	0
7	10126019	BÙI KHƯƠNG	DUY	DH10SH			7,4	7	4
8	10126025	BÙI NGỌC	DƯ	DH10SH			9,0	9	0
9	10126029	ĐINH THỊ	ĐÀO	DH10SH			8,0	8	0
10	10126034	LÊ HOÀNG	ĐỘ	DH10SH			5,0	5	0
11	10126037	TRẦN THỊ CẨM	GIANG	DH10SH			6,5	6	5
12	10126039	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	DH10SH			8,5	8	5
13	10126041	NGUYỄN PHƯỢNG	HẰNG	DH10SH			8,5	8	5
14	10126043	TRƯƠNG THỊ	HẰNG	DH10SH			8,0	8	0
15	10126044	HOÀNG THỊ THU	HIỀN	DH10SH			10	10	
16	10126045	LÂM MỸ	HIẾU	DH10SH			7,8	7	8
17	10126046	PHẠM TRUNG	HIẾU	DH10SH			8,5	8	5
18	10126051	PHAN THỊ	HÒA	DH10SH			8,3	8	3

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Thị Mai

Ngày 20 tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00542

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 19 **CBGD:** Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10126052	TRƯƠNG THỊ MINH	HỒNG	DH10SH			✓	10	0
20	10126054	PHẠM THỊ	HUỆ	DH10SH			7,5	7	5
21	10126060	LÊ THỊ CÚC	HƯƠNG	DH10SH			6,5	6	5
22	10126062	PHẠM THỊ THU	HƯỜNG	DH10SH			9,5	9	5
23	10126063	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	KHANH	DH10SH			8,0	8	0
24	10126065	NGUYỄN LÊ TRUNG	KIÊN	DH10SH			6,5	6	5
25	10126066	VÕ VĂN	KIỆT	DH10SH			8,6	8	6
26	10126068	NGUYỄN XUÂN	LẮM	DH10SH			8,0	8	0
27	10126069	PHẠM VĂN	LÂN	DH10SH			8,5	8	5
28	10126070	NGUYỄN NGỌC	LIÊN	DH10SH			9,5	9	5
29	10126072	LÊ THỊ THÙY	LINH	DH10SH			6,5	6	5
30	10126074	VŨ THỊ THÙY	LINH	DH10SH			7,5	7	5
31	10126076	ĐẶNG HOÀN	LONG	DH10SH			6,5	6	5
32	10126078	ĐỖ CHIẾN	LỘC	DH10SH			9,5	9	5
33	10126080	NGUYỄN THỊ HẰNG	LY	DH10SH			8,0	8	0
34	10126081	TỐNG TRẦN THẢO	LY	DH10SH			8,0	8	0
35	10126082	LÊ THỊ	LÝ	DH10SH			✓	10	0
36	10126083	PHẠM THỊ	MAI	DH10SH			10	10	0

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 20 tháng 12 năm 2010

Nguyễn Thị Mai

Thạc sĩ Phạm Thị Thanh Thủy

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00542

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : **Thực hành Sinh học Đại cương - 19** CBGD: **Nguyễn Thị Mai (666)**

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10126085	HOÀNG TRẦN ANH	MINH	DH10SH			8,0	8	0
38	10126090	NGUYỄN VĂN TẤN	NAM	DH10SH			6,5	6	5
39	10126097	NGUYỄN XUÂN	NGỌC	DH10SH			8,5	8	5
40	10126098	TRẦN THỊ HỒNG	NGỌC	DH10SH			8,5	8	5
41	10126099	NGUYỄN HOÀN	NGUYÊN	DH10SH			10	10	0
42	10126104	NGUYỄN VĂN	NHÀN	DH10SH			6,0	6	0
43	10126106	NGÔ MINH	NHÂM	DH10SH			5,5	5	5
44	10126108	PHAN THỊ HỒNG	NHIỆM	DH10SH			8,5	8	5
45	10126110	LÊ THỊ	NHUNG	DH10SH			7,5	7	5
46	10126111	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	DH10SH			10	10	0
47	10126112	VŨ PHẠM HỒNG	NHUNG	DH10SH			7,0	7	0
48	10126113	NGUYỄN THỊ YẾN	NHƯ	DH10SH			V	V	
49	10126114	TRƯƠNG THỊ TRANG	NHƯ	DH10SH			8,0	8	0
50	10126115	NGUYỄN THỊ HẰNG	NI	DH10SH			9,5	9	5
51	10126117	HUỲNH TẤN	PHI	DH10SH			6,5	6	5
52	10126120	TRƯƠNG QUỐC	PHONG	DH10SH			8,5	8	5
53	10126121	BÙI THANH	PHÚ	DH10SH			7,0	7	0
54	10126122	HOÀNG THỊ	PHÚC	DH10SH			8,0	8	0

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

ThS. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Thị Mai

Ngày 20 tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00542

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 19 CBGD: Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	10126123	HUỲNH TẤN	PHÚC	DH10SH			10	10	0
56	10126124	NGUYỄN THỊ KIM	PHÚC	DH10SH			8,0	8	0
57	10126125	NGUYỄN HOÀNG	PHƯƠNG	DH10SH			6,0	6	0
58	10126128	PHẠM THÀNH	PHƯỚC	DH10SH			5,8	5	8
59	10126131	TRẦN KIM	QUANG	DH10SH			7,5	7	5
60	10126132	NGUYỄN HỒNG	QUÂN	DH10SH			9,0	9	0
61	10126133	PHAMK THỊ	QUÍ	DH10SH			7,5	7	5
62	10126134	HUỲNH ÁNH	QUYÊN	DH10SH			8,0	8	0
63	10126135	TRẦN NGUYỄN LỆ	QUYÊN	DH10SH			10	10	0
64	10126136	LÊ THỊ NHƯ	QUỲNH	DH10SH			7,5	7	5
65	10126138	LƯƠNG THỊ XUÂN	QUỲNH	DH10SH			8,0	8	0
66	10126141	ĐỖ KHẮC	SÁNG	DH10SH			7,5	7	5
67	10126145	VY PHÚC	SỸ	DH10SH			8,5	8	5
68	10126146	PHẠM VĂN	TÀI	DH10SH			8,0	8	0
69	10126147	HUỲNH TỰ	TÂM	DH10SH			8,3	8	3
70	10126150	TRƯƠNG HỒNG	TÂM	DH10SH			9,0	9	0
71	10126152	BÙI THỊ KIM	THANH	DH10SH			7,5	7	5
72	10126154	NGUYỄN LÂM THIÊN	THANH	DH10SH			8,3	8	3

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Thị Mai

Ngày 20 tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00542

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 19 CBGD: Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
73	10126157	BÙI THỊ ÁI	THẢO	DH10SH			6,5	6	5
74	10126158	HUỲNH THỊ THANH	THẢO	DH10SH			8,5	8	5
75	10126159	NGUYỄN THỊ	THẢO	DH10SH			9,0	9	0
76	10126160	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO	DH10SH			8.0	8	0
77	10126162	LÊ HOÀNG	THÁI	DH10SH			8,0	8	0
78	10126166	HUỲNH THỊ	THÊM	DH10SH			8,5	8	5
79	10126169	DƯƠNG NGỌC	THỌ	DH10SH			8,9	8	9
80	10126170	NGÔ THỊ	THỌ	DH10SH			10	10	0
81	10126176	HÀ THU	THỦY	DH10SH			5,5	5	5
82	10126178	HOÀNG THỊ	THƯ	DH10SH			8,5	8	5
83	10126179	VÕ THỊ THÚY	TIÊN	DH10SH			V	V	
84	10126180	NGUYỄN NHẬT	TIẾN	DH10SH			7,0	7	0
85	10126182	TRẦN VĂN	TIẾN	DH10SH			8,0	8	0
86	10126183	NGUYỄN VĂN	TOÀN	DH10SH			7,6	7	6
87	10126184	TRƯƠNG HỮU	TOÀN	DH10SH			8,5	8	5
88	10126186	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	DH10SH			7,5	7	5
89	10126189	HỒ THỊ BÍCH	TRÂM	DH10SH			10	10	0
90	10126190	TRẦN THỊ BÍCH	TRÂM	DH10SH			7,5	7	5

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Thị Mai

Thuc giảng Thị Thanh Hương

Ngày 20 tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00542

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 19 CBGD: Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
91	10126192	NGÔ THỊ LỆ	TRINH	DH10SH			7,0	7	0
92	10126194	HUỲNH THANH	TRÚC	DH10SH			9,0	9	0
93	10126201	ĐOÀN THỊ THU	TUYỀN	DH10SH			8,7	8	7
94	10126206	NGUYỄN HOÀNG	TÚ	DH10SH			8,5	8	5
95	10126207	PHAN THẢO	TÚ	DH10SH			8,8	8	8
96	10126208	PHẠM THỊ NGỌC	TÚ	DH10SH			10	10	0
97	10126210	NGÔ HÒA NHÃ	UYÊN	DH10SH			8,0	8	0
98	10126211	NGUYỄN PHẠM ÁI	UYÊN	DH10SH			9,0	9	0
99	10126212	NGUYỄN PHƯƠNG	UYÊN	DH10SH			✓		
100	10126215	AN QUANG	VINH	DH10SH			6,8	6	8

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Thị Mai

Ngày 20 tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00543

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 20 **CBGD:** Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10126217	TRẦN TRỌNG	VINH	DH10SH			7,5	7	5
2	10126221	ĐẶNG LONG	VƯƠNG	DH10SH			7,5	7	5
3	10126225	NGUYỄN ĐÌNH YẾN	YẾN	DH10SH			10	10	0
4	10126229	DƯƠNG MẠNH	HÙNG	DH10SH			7,5	7	5
5	10126230	DANH	HƯỜNG	DH10SH			6,5	6	5
6	10126231	LƯU THỊ HỒNG	HUẾ	DH10SH			6,7	6	7
7	10126232	ĐẶNG TIẾN	DŨNG	DH10SH			7,8	7	8
8	10126233	TRIỆU QUYẾT	THẮNG	DH10SH			7,0	7	0
9	10126234	ĐINH THANH	TUẤN	DH10SH			6,5	6	5
10	10126235	THỊ CẨM	VIỆT	DH10SH			7,4	7	4

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Thị Mai

Ngày 20 tháng 12 năm 2010.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00544

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 21 CBGD: Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10158001	ĐẶNG TRỌNG TUẤN	ANH	DH10SK			6,0	6	0
2	10158002	LÊ QUANG GIA	BẢO	DH10SK			9,0	9	0
3	10158003	NGÔ ĐÌNH	BẢO	DH10SK			V	V	V
4	10158008	DƯƠNG ÁNH	DƯƠNG	DH10SK			V	V	V
5	10158011	CAO THỊ HOA	HẬU	DH10SK			4,0	4	0
6	10158012	TRẦN THỊ	HẬU	DH10SK			5,5	5	5
7	10158016	TRẦN THỊ THÁI	HÒA	DH10SK			8,0	8	0
8	10158018	NGUYỄN VIẾT	HÙNG	DH10SK			4,0	4	0
9	10158025	LÊ TRỌNG	NGHỊ	DH10SK			6,5	6	5
10	10158027	LƯU VĂN	NHIỀU	DH10SK			7,5	7	5
11	10158028	TRẦN THỊ	NHUNG	DH10SK			7,5	7	5
12	10158035	HỒ NGỌC	TÁI	DH10SK			7,5	7	5
13	10158036	LÊ VĂN	THÀNH	DH10SK			5,0	5	0
14	10158037	ĐỐNG NGỌC	THUẬN	DH10SK			6,0	6	0
15	10158039	HOÀNG VĂN	THỦY	DH10SK			4,5	4	5
16	10158040	TIỀN QUỐC	TÍN	DH10SK			7,0	7	0
17	10158044	TRẦN XUÂN	TÚ	DH10SK			8,0	8	0
18	10158046	QUÁCH CAO	QUÝ	DH10SK			7,0	7	0

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00544

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 21 CBGD: Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10158047	LƯU THỊ MINH	TÂM	DH10SK			9,5	9	5
20	10158049	NGUYỄN THU	HÀ	DH10SK			7,0	7	0
21	10158055	LƯƠNG THỊ QUỲNH	PHƯỢNG	DH10SK			8,0	8	0
22	10158060	TRẦN TRỌNG	TUẤN	DH10SK			7,0	7	0
23	10158069	ĐẶNG CẨM	TÚ	DH10SK			5,5	5	5
24	10158072	LÊ THỊ MỸ	DUYÊN	DH10SK			5,0	5	0
25	10158074	BÙI THỊ HUYỀN	TRANG	DH10SK			7,0	7	0
26	10158076	TRẦN TUẤN	VŨ	DH10SK			6,0	6	0
27	10158077	NGUYỄN THỊ TRÚC	LIÊN	DH10SK			8,0	8	0
28	10158078	LÊ THỊ	HƯƠNG	DH10SK			5,0	5	0
29	10158079	PHAN THỊ BÍCH	LY	DH10SK			7,5	7	5
30	10158080	NGUYỄN THỊ ÁNH	TUYẾT	DH10SK			6,0	6	0
31	10158081	LÊ VĂN	THÔNG	DH10SK			7,5	7	5
32	10158083	NGUYỄN VĂN	THẾ	DH10SK			7,0	7	0

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00545

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

DH10SM

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 22 **CBGD:** Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10172003	LÊ KHÁNH	CHI	DH10SM			7,5	7	5
2	10172005	LƯU VĂN	CHƯƠNG	DH10SM			8,5	8	5
3	10172006	THÀM LÝ	CÚA	DH10SM			8	8	0
4	10172008	ĐÀO THỊ NGỌC	DIỆP	DH10SM			7	7	0
5	10172009	LÊ XUÂN	DOANH	DH10SM			8	8	0
6	10172012	LÊ TRÌNH BẢO	DUY	DH10SM			7	7	0
7	10172014	NGUYỄN VĂN TIẾN	DŨNG	DH10SM			8,5	8	5
8	10172015	NGUYỄN ĐOÀN HỮU	ĐỨC	DH10SM				V	
9	10172016	PHẠM LÊ BẢO	GIANG	DH10SM			5	5	0
10	10172018	NGUYỄN NGỌC	HẠNH	DH10SM			8	8	0
11	10172022	TỪ HỮU	HÒA	DH10SM			7	7	0
12	10172023	ĐẶNG THỊ	HOÀNG	DH10SM			9	9	0
13	10172024	ĐÀO THỊ DIỆP	HUY	DH10SM			5,5	5	5
14	10172027	NGUYỄN THỊ THANH	KIỀU	DH10SM			8,5	8	5
15	10172030	ĐỖ THỊ	LIÊN	DH10SM			5	5	0
16	10172031	LÊ THỊ BÍCH	LIÊN	DH10SM				V	
17	10172033	NGÔ THỊ	NGA	DH10SM			5	5	0
18	10172034	TRẦN THỊ TUYẾT	NGÂN	DH10SM			8,5	8	5

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TH.S LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 6 tháng 11 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00545

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 22 CBGD: Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10172036	NGUYỄN TRUNG	NGUYÊN	DH10SM			6,5	6	5
20	10172037	CAO THỊ	PHÁP	DH10SM			9	9	0
21	10172038	PHAN TRƯỜNG	PHI	DH10SM			4,5	4	5
22	10172040	PHAN THỊ KIM	PHƯỢNG	DH10SM			9	9	0
23	10172042	TRƯƠNG VŨ BĂNG	SA	DH10SM			7	7	0
24	10172044	LƯƠNG ĐỨC	SÂM	DH10SM			8	8	0
25	10172049	TRẦN CÔNG	TÀI	DH10SM			8,5	8	5
26	10172050	TRẦN ĐINH BẢO	TÂM	DH10SM			7,5	7	5
27	10172053	VŨ THỊ PHƯƠNG	THẢO	DH10SM			5,5	5	5
28	10172054	TRƯƠNG ĐẠI	THẠNH	DH10SM			7	7	0
29	10172056	HUỲNH THỊ MỘNG	THÚY	DH10SM			7	7	0
30	10172057	TRẦN THỊ MINH	THƯ	DH10SM			9	9	0
31	10172058	TRẦN NGỌC GIÁNG	TIÊN	DH10SM			8	8	0
32	10172059	PHẠM THỊ	TÌNH	DH10SM			8	8	0
33	10172060	NGUYỄN ĐỨC	TÍN	DH10SM				0	0
34	10172063	VÕ THỊ THANH	TRANG	DH10SM			4	4	0
35	10172064	NGUYỄN HỒ HUYỀN	TRÂN	DH10SM			8	8	0
36	10172065	NGUYỄN DUY	VŨ	DH10SM			2	2	0

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TS. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 6 tháng 11 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00545

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 22 **CBGD:** Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10172066	NGUYỄN THỊ NGỌC NGÂN	DH10SM		Ngân	5	5	0

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 6 tháng 11 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00546

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : **Thực hành Sinh học Đại cương - 24** CBGD: **Nguyễn Thị Mai (666)**

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10132001	NGUYỄN THỊ KIM	CHÂU	DH10SP		Chau	7,5	7	5
2	10132005	VÕ THỊ DIỄM	MI	DH10SP			V	V	
3	10132007	NGUYỄN HOÀI	NHÂN	DH10SP		nhan	5,5	5	5
4	10132019	PHẠM NGỌC	VINH	DH10SP		Vinh	3,0	3	0
5	10132020	KIM THỊ CẨM	NGUYÊN	DH10SP		nguyen	7,0	7	0
6	10132021	MAI THANH	TÂM	DH10SP		Tam	5,5	5	5
7	10132022	THIÊN THỊ NGỌC	MINH	DH10SP		Minh	6,0	6	0
8	10132023	HOÀNG THỊ NGỌC	ÁNH	DH10SP		ngocanh	8,0	8	0
9	10132026	NGUYỄN BÁ TÙNG	SANG	DH10SP		Sang	9,0	9	0
10	10132027	VÕ THÀNH	LONG	DH10SP			7,0	7	0
11	10132028	ĐINH THỊ	CÚC	DH10SP		Cúc	6,5	6	5
12	10132030	PHẠM TUẤN	VŨ	DH10SP			7,5	7	5
13	10132031	NGUYỄN MINH	DUNG	DH10SP		Ngdung	8,0	8	0
14	10132032	NGUYỄN THỊ THU	LƯU	DH10SP			V	V	
15	10132037	NGUYỄN THANH	NGA	DH10SP		Nga	8,0	8	0
16	10132038	NGUYỄN THỊ BÍCH	VIỆT	DH10SP		Viet	8,0	8	0
17	10132042	VÕ THỊ THÙY NHƯ	NGUYÊN	DH10SP		Nhu	9,0	9	0

Số bài:.....; Số tờ:..... Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày tháng 12 năm 2010

TS. LÊ NGỌC THÔNG

Phạm Thị Huyền

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00547

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

DH10TA

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 25 **CBGD:** Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10161002	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	DH10TA		Hiếu	5,5	5	5
2	10161004	ĐẶNG NGỌC	BAN	DH10TA		Ban	8,5	8	5
3	10161006	VƯƠNG THỊ KIM	CÚC	DH10TA		Cúc	6,0	6	0
4	10161007	LÊ MẠNH	CƯƠNG	DH10TA		Cương	6,0	6	0
5	10161011	PHAN TIẾN	DŨNG	DH10TA			V		
6	10161015	ĐỖ THÀNH	ĐẠT	DH10TA		Đạt	7,5	7	5
7	10161017	PHẠM THÀNH	ĐẠT	DH10TA		Đạt	6,0	6	0
8	10161018	PHẠM VĂN	ĐẠT	DH10TA		Đạt	6,0	6	0
9	10161019	BÙI HẢI	ĐĂNG	DH10TA		Đăng	7,5	7	5
10	10161020	LÂM MINH	ĐĂNG	DH10TA		Đăng	5,5	5	5
11	10161022	TRẦN MINH	ĐỨC	DH10TA		Đức	10	10	0
12	10161024	THÁI VĂN	HÀO	DH10TA		Hào	7,0	7	0
13	10161027	NGUYỄN GIA	HẢI	DH10TA		Hải	7,5	7	5
14	10161028	NGUYỄN THANH	HẢI	DH10TA		Hải	9,0	9	0
15	10161033	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	DH10TA		Hiếu	V		
16	10161037	TỐNG THỊ KIỀU	HOA	DH10TA		Hoa	6,0	6	0
17	10161038	VÕ THỊ TUYẾT	HOA	DH10TA		Hoa	5,5	5	5
18	10161039	NGUYỄN NGỌC	HÒA	DH10TA		Hòa	9,5	9	5

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00547

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 25 **CBGD:** Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10161042	TRẦN QUỐC	HOÀNG	DH10TA			4,5	4	5
20	10161048	HOÀNG VĂN	HUY	DH10TA			5,5	5	5
21	10161050	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	DH10TA			7,5	7	5
22	10161052	ĐỖ QUANG	HƯNG	DH10TA			9,0	9	0
23	10161053	NGUYỄN THỊ MỸ	HƯNG	DH10TA			5,0	5	0
24	10161054	TRẦN DUY	HƯNG	DH10TA			5,5	5	5
25	10161056	PHẠM QUANG	KHANH	DH10TA			4,5	4	5
26	10161058	HOÀNG VĂN	KHÁNH	DH10TA			V	V	
27	10161060	PHẠM VĂN	KIM	DH10TA			8,0	8	0
28	10161061	ĐẶNG THỊ NGỌC	LAN	DH10TA			V	V	
29	10161062	TRẦN THỊ	LÀNH	DH10TA			5,5	5	5
30	10161063	TRƯƠNG MINH	LÂM	DH10TA			7,5	7	5
31	10161066	NGUYỄN THỊ	LOAN	DH10TA			8,0	8	0
32	10161068	ĐỖ HOÀI	LƯỢNG	DH10TA			4,5	4	5
33	10161079	NGUYỄN HOÀNG	NHU	DH10TA			4,0	4	0
34	10161080	PHAN THỊ TUYẾT	NHUNG	DH10TA			9,0	9	0
35	10161083	NGUYỄN NGỌC CHÂU	PHI	DH10TA			7,5	7	5
36	10161084	THÁI HUY	PHONG	DH10TA			6,5	6	5

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00547

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 25 **CBGD:** Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10161088	HỒ TRÚC	PHƯƠNG	DH10TA			V	10	0
38	10161089	PHAN THỊ HỒNG	PHƯƠNG	DH10TA			7,0	7	0
39	10161094	NGUYỄN VĂN	QUÝ	DH10TA			V	10	0
40	10161096	ĐOÀN HOÀN	SƠN	DH10TA			4,0	4	0
41	10161098	NGUYỄN HOÀNG	SƠN	DH10TA			8,5	8	5
42	10161102	NGÔ ĐẮC	TÀI	DH10TA			8,0	8	0
43	10161103	NGUYỄN THANH	TÂM	DH10TA			7,5	7	5
44	10161104	NGUYỄN THỊ NGỌC	TÂM	DH10TA			7,5	7	5
45	10161106	TRẦN THỊ MỸ	TÂM	DH10TA			8,5	8	5
46	10161107	TRẦN VĂN	TÂM	DH10TA			6,0	6	0
47	10161108	NGUYỄN THỊ	THA	DH10TA			7,0	7	0
48	10161112	BÙI THỊ THU	THẢO	DH10TA			8,5	8	5
49	10161114	NGUYỄN HOÀNG	THÁI	DH10TA			7,0	7	0
50	10161115	HÀ HUY	THẮN	DH10TA			5,5	5	5
51	10161116	NGUYỄN VĂN	THIÊN	DH10TA			7,0	7	0
52	10161117	ĐÀO THỊ MỸ	THỊNH	DH10TA			3,0	3	0
53	10161119	NGUYỄN THỊ TUYẾT	THÔNG	DH10TA			4,6	4	6
54	10161124	NÔNG NGUYÊN	THỨC	DH10TA			6,5	6	5

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00547

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : **Thực hành Sinh học Đại cương - 25** CBGD: **Nguyễn Thị Mai (666)**

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	10161127	ĐẶNG THẾ	TIẾN	DH10TA			5,5	5	5
56	10161128	NGUYỄN QUANG	TIẾN	DH10TA			8,5	8	5
57	10161135	VÕ THỊ HỒNG	TRI	DH10TA			8,5	8	5
58	10161136	NGUYỄN THỊ	TRIỀU	DH10TA			6,5	6	5
59	10161140	NGUYỄN NHẬT	TRƯỜNG	DH10TA			V	V	V
60	10161141	LÊ MINH	TUẤN	DH10TA			9,5	9	5
61	10161145	ÔNG THANH	TÚ	DH10TA			5,5	5	5
62	10161146	VÕ THỊ CẨM	TÚ	DH10TA			5,5	5	5
63	10161153	HỒ QUANG	VŨ	DH10TA			9,0	9	0
64	10161161	LÊ ANH	HIẾU	DH10TA			7,0	7	0
65	10161165	TRÀ VĂN THỊ	THẮM	DH10TA			7,5	7	5
66	10161166	TÔ NGUYỄN KIM	THOA	DH10TA			7,5	7	5

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00550

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 28 **CBGD:** Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10112001	CAO XUÂN	ANH	DH10TY			V	10	0
2	10112003	HUỲNH THỊ LAN	ANH	DH10TY			8,5	8	5
3	10112005	LÊ NGUYỄN ĐỨC	ANH	DH10TY			6,0	6	0
4	10112006	NGUYỄN THỊ GIANG	ANH	DH10TY			7,5	7	5
5	10112007	NGUYỄN VŨ NGỌC	ANH	DH10TY			8,0	8	0
6	10112008	TRẦN ĐỨC	ÂN	DH10TY			8,0	8	0
7	10112010	NGUYỄN NGỌC	BI	DH10TY			6,5	6	5
8	10112011	NGUYỄN VĂN	BÌNH	DH10TY			7,5	7	5
9	10112012	TRƯƠNG THỊ NGỌC	CẨM	DH10TY			7,5	7	5
10	10112014	NGUYỄN THỊ	CHÍN	DH10TY			9,0	9	0
11	10112015	LÊ VĂN	CÔNG	DH10TY			7,0	7	0
12	10112017	DƯƠNG PHÚ	CƯỜNG	DH10TY			7,0	7	0
13	10112019	HUỲNH HOÀI	DIỄM	DH10TY			6,5	6	5
14	10112020	ĐỖ THỊ THÙY	DUNG	DH10TY			8,5	8	5
15	10112022	TRẦN NGỌC	DUYÊN	DH10TY			3,0	3	0
16	10112023	NGUYỄN TIẾN	DŨNG	DH10TY			7,5	7	5
17	10112025	LÊ HOÀNG	ĐẠI	DH10TY			V	10	0
18	10112028	TRẦN PHÁT	ĐẠT	DH10TY			5,5	5	5

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00550

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 28 CBGD: Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10112029	VŨ THÀNH	ĐẠT	DH10TY			8,0	8	0
20	10112030	HOÀNG VĂN	ĐIỆP	DH10TY			3,5	3	5
21	10112031	NGUYỄN HỮU	ĐỨC	DH10TY			6,0	6	0
22	10112034	PHẠM THỊ CẨM	GIANG	DH10TY			5,5	5	5
23	10112039	LÂM KIM	HẢI	DH10TY			5,0	5	0
24	10112041	NGUYỄN HỒNG	HẠNH	DH10TY			6,5	6	5
25	10112043	LA QUỐC VĨNH	HẰNG	DH10TY			6,0	6	0
26	10112044	TRẦN THỊ NGỌC	HÂN	DH10TY			8,0	8	0
27	10112047	PHẠM THỊ THU	HIỀN	DH10TY			7,0	7	0
28	10112056	NGUYỄN THỊ KIM	HOÀNG	DH10TY			9,0	9	0
29	10112060	TRẦN KIM	HUỆ	DH10TY			5,0	5	0
30	10112061	VŨ THỊ	HUỆ	DH10TY			3,0	3	0
31	10112062	LÊ NAM	HUY	DH10TY			7,0	7	0
32	10112063	NGUYỄN HOÀNG KHIẾT	HUY	DH10TY			6,5	6	5
33	10112064	NGUYỄN VĂN	HUY	DH10TY			9,0	9	0
34	10112065	TRẦN CÔNG VIẾT	HÙNG	DH10TY			8,5	8	5
35	10112073	NGUYỄN VĂN QUỐC	KHÁNH	DH10TY			6,5	6	5
36	10112074	TRẦN THỊ THANH	KHIẾT	DH10TY			8,0	8	0

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00550

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 28 **CBGD:** Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10112075	NGUYỄN VĂN	KHOA	DH10TY			8,0	8	0
38	10112076	NGUYỄN VIẾT	KHOA	DH10TY			6,5	6	5
39	10112081	LÊ MINH	LÂM	DH10TY			7,5	7	5
40	10112084	LÊ THANH	LIÊM	DH10TY			4,0	4	0
41	10112086	HUỲNH MỸ	LINH	DH10TY			8,0	8	0
42	10112089	PHẠM NHÂN	LUÂN	DH10TY			7,5	7	5
43	10112091	VŨ VĂN	MẠNH	DH10TY			8,5	8	5
44	10112094	QUÁCH CÔNG	MINH	DH10TY			7,0	7	0
45	10112097	DƯƠNG HẠ	MY	DH10TY			9,0	9	0
46	10112098	NGUYỄN THỊ KIM	MY	DH10TY			8,0	8	0
47	10112100	NGUYỄN HUỲNH	NGA	DH10TY			7,5	7	5
48	10112101	CAO THỊ THÙY	NGÂN	DH10TY			9,0	9	0
49	10112106	TRẦN THỊ BÍCH	NGỌC	DH10TY			6,5	6	5
50	10112108	ĐỖ KINH	NGUYÊN	DH10TY			8,0	8	0

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00551

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 29 **CBGD:** Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10112111	BÙI MINH	NHÂN	DH10TY			8,5	8	5
2	10112114	HÀ NGUYỄN CẨM	NHUNG	DH10TY			7,5	7	5
3	10112115	PHAN HỒNG	NHUNG	DH10TY			7,0	7	0
4	10112116	VÕ NGUYỄN NGUYÊN	NHUNG	DH10TY			6,0	6	0
5	10112120	HUỲNH THỊ	NỮ	DH10TY			7,0	7	0
6	10112123	NGUYỄN VĂN	PHÁP	DH10TY			8,0	8	0
7	10112124	KIM NGỌC HỒNG	PHÁT	DH10TY			6,5	6	5
8	10112125	NGUYỄN THẾ	PHIỆT	DH10TY			7,0	7	0
9	10112126	CHÂU XUÂN	PHONG	DH10TY			7,0	7	0
10	10112132	ĐẶNG MAI	PHÚC	DH10TY			5,5	5	5
11	10112134	PHAN MINH	PHÚC	DH10TY			8,5	8	5
12	10112136	HOÀNG VĂN	PHƯƠNG	DH10TY			8,5	8	5
13	10112138	NGÔ NGỌC PHƯƠNG	PHƯƠNG	DH10TY			9,0	9	0
14	10112139	VÕ THỊ	PHƯƠNG	DH10TY			8,0	8	0
15	10112140	PHẠM HỮU	PHƯỚC	DH10TY			9,5	9	5
16	10112141	NGUYỄN THỊ	PHƯỢNG	DH10TY			7,5	7	5
17	10112144	NGUYỄN THANH	QUANG	DH10TY			8,0	8	0
18	10112145	ĐINH TRẦN MINH	QUÂN	DH10TY			6,5	6	5

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00551

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 29 CBGD: Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10112146	NGUYỄN THỊ	QUẾ	DH10TY			4,5	4	5
20	10112150	NGUYỄN THANH	SANG	DH10TY			9,5	9	5
21	10112151	ĐINH NGỌC	SƠN	DH10TY			7,0	7	0
22	10112154	NGUYỄN CÔNG	TÀI	DH10TY			8,0	8	0
23	10112158	PHAN NGÔ MINH	TÂN	DH10TY			7,5	7	5
24	10112159	TRẦN NGỌC	TÂN	DH10TY			7,0	7	0
25	10112162	NGUYỄN CHÍ	THANH	DH10TY			V	V	
26	10112163	NGUYỄN THỊ	THANH	DH10TY			8,0	8	0
27	10112164	NGUYỄN ĐỨC	THÀNH	DH10TY			5,5	5	5
28	10112167	NGUYỄN THỊ DẠ	THẢO	DH10TY			6,0	6	0
29	10112169	PHẠM NGỌC XUÂN	THẢO	DH10TY			5,0	5	0
30	10112170	TRỊNH THỊ	THẢO	DH10TY			5,5	5	5
31	10112173	LÊ THỊ	THÊM	DH10TY			6,0	6	0
32	10112174	HÀ TRƯƠNG DIỄM	THI	DH10TY			7,5	7	5
33	10112178	ĐỖ HỮU HƯƠNG	THỊNH	DH10TY			6,0	6	0
34	10112179	LÂM ĐINH TRƯỜNG	THỊNH	DH10TY			8,0	8	0
35	10112182	PHẠM ĐỨC	THỊNH	DH10TY			8,0	8	0
36	10112185	NGUYỄN VĂN	THUẬN	DH10TY			8,0	8	0

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00551

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 29 CBGD: Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10112186	VŨ THỊ	THÙY	DH10TY			7,5	7	5
38	10112187	NGUYỄN THỊ HỒNG	THÚY	DH10TY			7,5	7	5
39	10112188	TRẦN THỊ	THÙY	DH10TY			5,5	5	5
40	10112189	BÙI THỊ PHƯƠNG	THÚY	DH10TY			V	V	V
41	10112190	LÊ THỊ THU	THỦY	DH10TY			6,0	6	0
42	10112191	LÊ THỊ	THÚY	DH10TY			8,0	8	0
43	10112192	ĐOÀN ANH	THƯ	DH10TY			7,0	7	0
44	10112193	VÕ THỊ ANH	THƯ	DH10TY			6,0	6	0
45	10112194	HOÀNG THỊ HOÀI	THƯƠNG	DH10TY			7,5	7	5
46	10112197	DƯƠNG THỊ CẨM	TIÊN	DH10TY			6,0	6	0
47	10112198	NGUYỄN HỮU HOÀNG	TIẾN	DH10TY			3,0	3	0
48	10112199	PHẠM MINH	TIẾN	DH10TY			7,0	7	0
49	10112200	THÁI XUÂN	TIẾN	DH10TY			9,0	9	0
50	10112202	TRẦN ĐỨC	TOÀN	DH10TY			6,5	6	5
51	10112203	LÊ THỊ THÙY	TRANG	DH10TY			8,5	8	5
52	10112204	NGUYỄN THỊ HÀ	TRANG	DH10TY			7,0	7	0
53	10112206	TRẦN THỊ THẢO	TRÂM	DH10TY			V	V	V
54	10112210	TRẦN MINH	TRÍ	DH10TY			8,0	8	0

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00551

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 29 CBGD: Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	10112211	TRẦN QUỐC	TRÍ	DH10TY			8,0	8	0
56	10112214	LƯU THỊ THANH	TRÚC	DH10TY			8,0	8	0
57	10112215	LÝ CÔNG NGUYỄN	TUÂN	DH10TY			6,5	6	5
58	10112223	NGUYỄN HUỲNH	TÙNG	DH10TY			6,0	6	0
59	10112224	NGUYỄN PHƯƠNG	TÙNG	DH10TY			8,0	8	0
60	10112228	NGUYỄN TUẤN	TÚ	DH10TY			8,0	8	0
61	10112231	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG	UYÊN	DH10TY			4,5	4	5
62	10112233	TRẦN TRÍ	ƯU	DH10TY			8,5	8	5
63	10112234	NGUYỄN TRUNG THANH	VĂN	DH10TY			5,5	5	5
64	10112235	VÕ THÚY	VI	DH10TY			7,5	7	5
65	10112239	TRẦN VĂN	VINH	DH10TY			7,5	7	5
66	10112240	BÙI TUẤN	VŨ	DH10TY			6,5	6	5
67	10112241	ĐẶNG ANH	VŨ	DH10TY			8,0	8	0
68	10112253	MÃ THỊ	TÂM	DH10TY			8,5	8	5
69	10112254	BIỆN THỊ HỒNG	LỆ	DH10TY			4,0	4	0
70	10112255	CHÂU NỮ CHIÊM	THẠCH	DH10TY			8,0	8	0
71	10112256	THẠCH THỊ ÁNH	TÍM	DH10TY			5,0	5	0

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 6 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00552

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

DH10VT

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 30 **CBGD:** Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10156003	ĐẶNG THỊ HOÀI	BẮC	DH10VT			9	9	0
2	10156004	NGUYỄN THẾ	BÌNH	DH10VT			4	4	0
3	10156005	NGUYỄN THỊ BẢO	CHÂU	DH10VT			8,5	8	5
4	10156009	NGUYỄN THỊ	DUYÊN	DH10VT			7,5	7	5
5	10156012	TRẦN THÀNH	ĐẠT	DH10VT			5	5	0
6	10156015	NGUYỄN NGỌC	GIỚI	DH10VT			4,5	4	5
7	10156018	LÊ THỊ	HẰNG	DH10VT			8	8	0
8	10156019	TRẦN THỊ DIỆU	HẰNG	DH10VT			5	5	0
9	10156020	LÊ THỊ BÍCH	HIỀN	DH10VT			7	7	0
10	10156021	LÊ VĂN	HIỀN	DH10VT			8	8	0
11	10156023	TRẦN THỊ THANH	HIỀN	DH10VT			7,5	7	5
12	10156025	PHẠM THỊ	HOÀI	DH10VT		/		V	0
13	10156027	PHAN THỊ	HUỆ	DH10VT		/		V	0
14	10156029	LÊ THANH	HUY	DH10VT			7,5	7	5
15	10156033	PHAN NGUYỄN ĐÌNH	KHANG	DH10VT			8,5	8	5
16	10156034	LÊ TIẾN	KHOA	DH10VT			7	7	0
17	10156045	TRẦN THỊ	NGA	DH10VT			7	7	0
18	10156047	HỒ THỊ KIM	NGÂN	DH10VT			8	8	0

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TS. LÊ NGỌC THẠNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00552

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 30 **CBGD:** Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10156049	LÊ MỸ	NGỌC	DH10VT		Ngọc	8	8	0
20	10156051	ĐỖ NGUYÊN	NHẤT	DH10VT			6	6	0
21	10156053	HỒ LỮ YẾN	NHI	DH10VT			7	7	0
22	10156062	PHAN THỊ THỤC	QUYÊN	DH10VT			8	8	0
23	10156065	TRẦN THỊ	THANH	DH10VT			6,5	6	5
24	10156066	TRẦN MỸ CÔNG	THÀNH	DH10VT			9	9	0
25	10156067	NGUYỄN KHÔI	THÁI	DH10VT		/			
26	10156069	PHÙNG THỊ XUÂN	THI	DH10VT					
27	10156071	TRƯƠNG THỊ MINH	THƠ	DH10VT			5	5	0
28	10156077	TRẦN ANH	THƯ	DH10VT			8	8	0
29	10156079	PHẠM PHƯỚC	TOÀN	DH10VT			8	8	0
30	10156081	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	TRANG	DH10VT			6	6	0
31	10156086	THI VĂN TUẤN	TÚ	DH10VT			9,5	9	5
32	10156089	HUỲNH THỊ THÚY	VI	DH10VT			2	2	0
33	10156091	NGUYỄN HOÀNG	Y	DH10VT			8,5	8	5

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 12 tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00555

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 34 CBGD: Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10171001	NGUYỄN THẾ	ANH	DH10KS			8,5	8	5
2	10171004	NGUYỄN VĂN	CHIẾN	DH10KS			V	V	V
3	10171005	VÕ TẤN NGỌC	CHÂU	DH10KS			6,5	6	5
4	10171008	PHAN CHÍ	DŨNG	DH10KS			5,5	5	5
5	10171009	LÊ XUÂN THÙY	DƯƠNG	DH10KS			5,5	5	5
6	10171011	NGUYỄN THÀNH	ĐỒNG	DH10KS			6,0	6	0
7	10171012	NGUYỄN XUÂN	GHI	DH10KS			6,5	6	5
8	10171015	VÕ TẤN	HOAN	DH10KS			6,0	6	0
9	10171016	PHẠM THỊ	HÒE	DH10KS			5,0	5	0
10	10171018	NGUYỄN DUY	KHÁNH	DH10KS			7,5	7	5
11	10171021	LÊ KIỀU	LINH	DH10KS			6,0	6	0
12	10171022	NGUYỄN ĐỨC	LINH	DH10KS			V	V	V
13	10171023	ĐƯƠNG THIÊN	LONG	DH10KS			5,0	5	0
14	10171028	TRẦN THỊ	MỸ	DH10KS			5,5	5	5
15	10171029	NGUYỄN KHẢ	NĂNG	DH10KS			6,5	6	5
16	10171030	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	DH10KS			6,5	6	5
17	10171033	PHẠM THỊ MỸ	NƯƠNG	DH10KS			7,0	7	0
18	10171038	HÀ LAN	PHƯƠNG	DH10KS			V	V	V

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00555

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 34 CBGD: Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10171039	NGUYỄN LÂM	PHƯƠNG	DH10KS			8,0	8	0
20	10171040	THÁI THANH	PHƯỢNG	DH10KS			V		
21	10171041	PHAN THANH	SANG	DH10KS			V		
22	10171043	TRẦN THỊ THANH	TÂM	DH10KS			6,0	6	0
23	10171044	LÊ SỸ	TÂN	DH10KS			7,0	7	0
24	10171045	LÊ THANH	TÂN	DH10KS			6,0	6	0
25	10171050	HUỲNH HỒNG	THỊNH	DH10KS			V		
26	10171051	NGUYỄN THỊ KIM	THOA	DH10KS			7,0	7	0
27	10171057	ĐẶNG VĂN	TOÀN	DH10KS			V		
28	10171058	NGUYỄN QUỐC	TỔNG	DH10KS			7,0	7	0
29	10171059	NGÔ MỸ	TRIẾT	DH10KS			8,5	8	5
30	10171060	TRƯƠNG QUỐC	TRÍ	DH10KS			7,5	7	5
31	10171064	LÊ THANH	TÙNG	DH10KS			3,5	3	5
32	10171070	TRỊNH THỊ THÚY	AN	DH10KS			5,5	5	5
33	10171071	NGUYỄN THỊ	CHƯA	DH10KS			8,0	8	0
34	10171073	NGUYỄN ĐÌNH	TOÀN	DH10KS			6,5	6	5
35	10171074	CÙ THỊ MỸ	HẠNH	DH10KS			3,5	3	5
36	10171077	ĐẶNG HỒNG	NHỰT	DH10KS			4,0	4	0

Số bài:.....; Số tờ:..... Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày tháng 12 năm 2010

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00555

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 34 **CBGD:** Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10171081	TRƯƠNG THỊ ÁNH	NGUYỆT	DH10KS			7,5	7	5
38	10171082	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	DH10KS			8,5	8	5
39	10171083	PHAN THỊ KIM	PHƯỢNG	DH10KS			5,0	5	0
40	10171090	TRẦN THỊ THÚY	LAM	DH10KS			3,0	3	0
41	10171091	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	DH10KS			3,5	3	5
42	10171094	PHAN THỊ THU	THẢO	DH10KS			4,0	4	0
43	10171098	NGUYỄN THỊ	LUYÊN	DH10KS			7,5	7	5
44	10171103	PHẠM THỊ LỆ	HÀ	DH10KS			6,5	6	5
45	10171105	NGUYỄN TRẦN VĨNH	HƯNG	DH10KS			5,0	5	0
46	10171110	PHẠM THỊ LÂM	VÍ	DH10KS			V	V	V
47	10171112	NGUYỄN THANH	HƯNG	DH10KS			3,5	3	5
48	10171114	NGÔ VÕ SĨ	TA	DH10KS			8,0	8	0
49	10171117	LÊ THẠNH	PHÚ	DH10KS			V	V	V
50	10171118	NGUYỄN TRỌNG	ĐÀI	DH10KS			3,5	3	5
51	10171121	LÊ VŨ	THỊNH	DH10KS			V	V	V
52	10171122	NGUYỄN NGỌC	BÁCH	DH10KS			V	V	V
53	10171123	NGUYỄN ĐỨC	DU	DH10KS			3,5	3	5
54	10171125	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	DH10KS			7,0	7	0

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. LÊ NGỌC THỐNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00555

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 34 **CBGD:** Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	10171127	LÊ THỊ LỆ	HOANH	DH10KS			√	0	0
56	10171130	NGUYỄN BẢO	NGUYÊN	DH10KS			8,5	8	5

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00556

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 35 **CBGD:** Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10145001	BÙI QUANG	AN	DH10BV			6,5	6	5
2	10145007	NGUYỄN PHAN NGỌC	ANH	DH10BV			10.0	10	0
3	10145008	NGUYỄN THỊ MAI	ANH	DH10BV			8,0	8	0
4	10145010	ĐINH DƯƠNG	ÂN	DH10BV			4,0	4	0
5	10145012	VŨ THÁI	BÌNH	DH10BV			7,0	7	0
6	10145013	DƯƠNG VĂN	CAO	DH10BV			8.0	8	0
7	10145014	VÕ ĐẶNG BÍCH	CHÂU	DH10BV			9,0	9	0
8	10145015	HOÀNG THỊ TRÚC	CHI	DH10BV			8,0	8	0
9	10145016	NGUYỄN THỊ BÍCH	CHI	DH10BV			6,0	6	0
10	10145017	TRẦN THỊ MỸ	CHI	DH10BV			7,5	7	5
11	10145020	LÊ ĐỨC	CƯỜNG	DH10BV			6,0	6	0
12	10145021	LÊ TẤN	CƯỜNG	DH10BV			6.0	6	0
13	10145022	TRẦN QUỐC	CƯỜNG	DH10BV			7,5	7	5
14	10145023	LÝ LAM NGỌC	DIỄM	DH10BV				V	
15	10145028	HỒ THỊ MỸ	DUYÊN	DH10BV			9,0	9	0
16	10145029	DƯƠNG THỊ THÙY	DƯƠNG	DH10BV			7,5	7	5
17	10145031	CHAU CHANH	RA	DH10BV			2,0	2	0
18	10145032	ĐỖ TIẾN	ĐẠT	DH10BV			7,5	7	5

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00556

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 35 CBGD: Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10145033	VŨ QUỐC	ĐẠT	DH10BV				0	0
20	10145036	NGUYỄN THỐNG	GIANG	DH10BV			5,0	5	0
21	10145037	NGUYỄN THANH	HÀ	DH10BV			8,0	8	0
22	10145038	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	DH10BV			8,0	8	0
23	10145039	NGUYỄN THANH	HẢI	DH10BV			9,0	9	0
24	10145041	ĐẶNG THỊ	HẠNH	DH10BV			7,0	7	0
25	10145043	HÀ HỒNG	HÂN	DH10BV			8,0	8	0
26	10145044	BẠCH VĂN	HIỀN	DH10BV			6,5	6	5
27	10145046	HOÀNG THỊ	HIỀN	DH10BV			6,0	6	0
28	10145047	PHẠM THỊ DIỄM	HIỀN	DH10BV			6,0	6	0
29	10145048	ĐINH QUANG	HIẾU	DH10BV			6,5	6	5
30	10145050	LỮ MINH	HIỆP	DH10BV			8,0	8	0
31	10145051	NGUYỄN THỊ THANH	HÒA	DH10BV			8,5	8	5
32	10145052	TRẦN THỊ	HÒA	DH10BV			9,5	9	5
33	10145053	ĐINH THỊ KIM	HUỆ	DH10BV				0	0
34	10145054	NGUYỄN NGỌC	HUỆ	DH10BV				0	0
35	10145055	NGUYỄN PHÁT	HUY	DH10BV			7,5	7	5
36	10145058	NGÔ THỊ NGỌC	HUYỀN	DH10BV			5,0	5	0

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00556

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 35 CBGD: Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10145059	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	DH10BV			7,0	7	0
38	10145060	ĐẶNG NGỌC	HÙNG	DH10BV				V	
39	10145061	LÊ DIỄM	HƯƠNG	DH10BV			7,5	7	5
40	10145066	HUỲNH HỒNG	KHÁNH	DH10BV			6,5	6	5
41	10145070	TỐNG MINH	KỲ	DH10BV			8,0	8	0
42	10145072	NGUYỄN THỊ TUYẾT	LAN	DH10BV			9,5	9	5
43	10145073	VÕ THÁI LY	LAN	DH10BV			6,0	6	0
44	10145075	NGUYỄN NGỌC HÙNG	LÂM	DH10BV				V	
45	10145079	NGUYỄN ĐÌNH	LINH	DH10BV			5,0	5	0
46	10145082	NGUYỄN THỊ HỒNG	LOAN	DH10BV			6,0	6	0
47	10145085	NGUYỄN THÀNH	LONG	DH10BV				V	
48	10145086	BÙI DUY	LUYỆN	DH10BV			4,5	4	5
49	10145088	LÊ HOÀNG	MAI	DH10BV				V	
50	10145092	NGUYỄN THỊ THÚY	NGÂN	DH10BV			5,0	5	0
51	10145098	TRẦN VĂN	NGUYỆN	DH10BV			3,0	3	0
52	10145099	CAO THANH	NHÃ	DH10BV			8,0	8	0
53	10145100	LÊ HOÀNG	NHI	DH10BV			7,0	7	0
54	10145101	PHẠM VĂN	NHỰT	DH10BV				V	

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00556

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 35 **CBGD:** Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	10145103	HỒ QUỐC	OAI	DH10BV			5,0	5	0
56	10145106	PHẠM HUỲNH	PHÚ	DH10BV			5,0	5	0
57	10145109	VÕ HỮU	PHÚC	DH10BV			8,0	8	0
58	10145110	VÕ ĐĂNG	PHƯƠNG	DH10BV			7,5	7	5
59	10145111	LÂM THU	PHƯỢNG	DH10BV			8,0	8	0
60	10145112	LÊ THỊ KIM	PHƯỢNG	DH10BV			7,0	7	0
61	10145114	NGUYỄN HOÀNG	QUEN	DH10BV			6,0	6	0
62	10145116	LÂM CÔNG	QUÍ	DH10BV			5.0	5	0
63	10145117	TRẦN HẠNH	QUYÊN	DH10BV			7,5	7	5
64	10145118	CAO TRƯỜNG	QUYẾT	DH10BV		V		V	
65	10145119	HỒ THANH	SANG	DH10BV			5,0	5	0
66	10145121	DƯƠNG TUẤN	TÀI	DH10BV			6,5	6	5
67	10145123	PHẠM THÀNH	TÂN	DH10BV			7,0	7	0
68	10145124	NGUYỄN QUỐC	THANH	DH10BV			7,0	7	0
69	10145125	TRẦN THỊ PHƯƠNG	THẢO	DH10BV		V		V	
70	10145128	NGUYỄN VĂN	THIỆT	DH10BV			6,0	6	0
71	10145129	HỒ TRƯỜNG	THỊNH	DH10BV			6,0	6	0
72	10145130	NGUYỄN XUÂN	THỊNH	DH10BV			4,0	4	0

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 12 tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00556

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 35 **CBGD:** Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
73	10145132	NÔNG THỊ	THOẠI	DH10BV			3,0	3	0
74	10145133	NGUYỄN HỒNG	THUẬN	DH10BV			6,0	6	0
75	10145136	TRẦN THỊ	THÚY	DH10BV			7,5	7	5
76	10145137	LÊ THU	THỦY	DH10BV			5,5	5	5
77	10145141	NGUYỄN THỊ	THƯƠNG	DH10BV			6,0	6	0
78	10145143	NGUYỄN TĂNG	THỪA	DH10BV			2,5	2	5
79	10145144	PHẠM QUỐC	THY	DH10BV			6,0	6	0
80	10145152	DƯƠNG THỊ THU	TRANG	DH10BV			8,0	8	0
81	10145153	LƯU TỪ ĐOAN	TRANG	DH10BV			8,0	8	0
82	10145154	NGUYỄN THỊ	TRANG	DH10BV			8,0	8	0
83	10145155	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	DH10BV			5,0	5	0
84	10145157	TRẦN THỊ THÙY	TRANG	DH10BV			5,0	5	0
85	10145160	THÔNG LÂM QUỐC	TRINH	DH10BV		V		0	0
86	10145161	NGUYỄN MINH	TRÍ	DH10BV			6,5	6	5
87	10145165	TRẦN THỊ THANH	TRÚC	DH10BV			6,0	6	0
88	10145166	NGUYỄN NHỰT	TRƯỜNG	DH10BV			6,0	6	0
89	10145168	HUỲNH THANH	TUYỀN	DH10BV			8,0	8	0
90	10145169	TÔ THANH	TÚ	DH10BV			7,5	7	5

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00556

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 35 CBGD: Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
91	10145175	NGUYỄN KHẢI	VĂN	DH10BV			5,0	5	0
92	10145176	ĐINH THỊ	VÂN	DH10BV			3,0	3	0
93	10145183	ĐINH THỊ	YẾN	DH10BV			4,0	4	0
94	10145185	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	DH10BV			7.5	7	5
95	10145188	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	DH10BV			7.5	7	5
96	10145189	THỊ	HỒNG	DH10BV			6,0	6	0
97	10145190	TRIỆU	THỂ	DH10BV			4,0	4	0

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TH.S LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00557

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 36 CBGD: Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10113002	NGUYỄN THỊ THU	NI	DH10NH		Ni	6,5	6	5
2	10113003	VÕ HOÀNG	ANH	DH10NH		Anh	6,0	6	0
3	10113004	NGUYỄN NGỌC THIÊN	ÂN	DH10NH		Ân	9,0	9	0
4	10113005	PHẠM HỒNG	ÂN	DH10NH		Ân	8,0	8	0
5	10113006	LÂM NGỌC	ẤN	DH10NH		Ấn	8,0	8	0
6	10113007	ĐẶNG QUỐC	BẢO	DH10NH		Bảo	5,0	5	0
7	10113008	NGUYỄN HOÀI	BẢO	DH10NH		Bảo	6,0	6	0
8	10113009	VŨ KHẮC	BẢO	DH10NH			V	V	
9	10113011	TRẦN ĐỨC	BÌNH	DH10NH		Bình	5,5	5	5
10	10113012	TRẦN VĂN	BÌNH	DH10NH		Bình	7,5	7	5
11	10113014	NGUYỄN VĂN	CHÂN	DH10NH		Chân	6,5	6	5
12	10113015	PHAN MINH	CHÂU	DH10NH		Châu	9,5	9	5
13	10113018	TRIỆU VĂN	CƯỜNG	DH10NH		Cường	6,5	6	5
14	10113019	LÊ VÕ NGỌC	DIỄM	DH10NH		Diễm	6,0	6	0
15	10113020	PHẠM THỊ	DIỆP	DH10NH		Diệp	7,0	7	0
16	10113021	KHƯƠNG VĂN	DUẨN	DH10NH		Duẩn	7,5	7	5
17	10113025	PHÙNG THỊ	DUYÊN	DH10NH		Duyên	7,5	7	5
18	10113027	NGUYỄN TIẾN	DŨNG	DH10NH		Dũng	6,0	6	0

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

Nguyễn Thị Mai

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00557

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 36 CBGD: Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10113031	NGUYỄN NGỌC	ĐƯỢC	DH10NH			7,0	7	0
20	10113038	HÀ VĂN	HẢI	DH10NH			V	0	0
21	10113039	PHẠM NGỌC	HẢI	DH10NH			6,5	6	5
22	10113040	ĐỖ THỊ	HẰNG	DH10NH			8,5	8	5
23	10113043	ĐỖ THỊ NGỌC	HIỀN	DH10NH			4,5	4	5
24	10113045	LÊ THỊ THU	HIẾU	DH10NH			10	10	0
25	10113046	MAI CHÍ	HIẾU	DH10NH			9,0	9	0
26	10113047	TRẦN TRUNG	HIẾU	DH10NH		Hieu	8,0	8	0
27	10113050	PHAN THỊ TÂM	HÒA	DH10NH			6,5	6	5
28	10113051	LÊ THỊ CẨM	HOÀI	DH10NH			V	0	0
29	10113053	LÊ TIẾN	HOÀNG	DH10NH			6,5	6	5
30	10113057	NGUYỄN QUỐC	HUY	DH10NH			8,0	8	0
31	10113059	HỒ VĂN	HUỲNH	DH10NH			8,0	8	0
32	10113060	VÕ DUY	HUỲNH	DH10NH			6,0	6	0
33	10113061	NGUYỄN MẠNH	HÙNG	DH10NH			5,0	5	0
34	10113063	LÊ VĨNH	HƯNG	DH10NH			8,5	8	5
35	10113064	LÊ QUỐC	HƯƠNG	DH10NH			6,5	6	5
36	10113068	NGUYỄN TRẦN	KHÁNH	DH10NH			V	0	0

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00557

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 36 CBGD: Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10113069	TRẦN ANH	KHOA	DH10NH			7,0	7	0
38	10113070	NGUYỄN HOÀNG	KHÔI	DH10NH			7,0	7	0
39	10113071	NGUYỄN VĂN	KHUYẾN	DH10NH			5,5	5	5
40	10113073	ĐÀO THỊ HỒNG	KIỀU	DH10NH			8,5	8	5
41	10113076	THÁI THỊ	LÊ	DH10NH			6,0	6	0
42	10113077	NGUYỄN VĂN TIẾN	LÊN	DH10NH			3,0	3	0
43	10113079	NGUYỄN THỊ	LIÊN	DH10NH			4,0	4	0
44	10113081	TRẦN THỊ PHƯỢNG	LINH	DH10NH			7,5	7	5
45	10113082	ĐẶNG NGỌC	LỢI	DH10NH			6,0	6	0
46	10113083	ĐẶNG THÀNH	LUÂN	DH10NH			6,0	6	0
47	10113087	NGUYỄN VĂN	NINH	DH10NH			8,0	8	0
48	10113088	PHẠM THỊ	MINH	DH10NH			6,0	6	0
49	10113090	TRƯƠNG KHẮC TÔ TRÀ	MY	DH10NH			6,0	6	0
50	10113092	HUỲNH THẾ	NAM	DH10NH			6,0	6	0
51	10113095	HUỲNH NGỌC	NGHĨA	DH10NH			8,0	8	0
52	10113097	MAI XUÂN	NGỌC	DH10NH			8,0	8	0
53	10113099	TRẦN THẢO	NGUYÊN	DH10NH			7,0	7	0
54	10113101	BÙI THỊ MỸ	NHẠN	DH10NH			8,0	8	0

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. LÊ MỘC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00557

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 36 CBGD: Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	10113105	ĐẶNG MINH	NHỰT	DH10NH			6,5	6	5
56	10113107	TRẦN THỊ KIM	OANH	DH10NH			6,0	6	0
57	10113110	NGUYỄN THỊ KIỀU	PHÚC	DH10NH			6,5	6	5
58	10113112	NGUYỄN THANH	PHƯƠNG	DH10NH			V	V	
59	10113116	PHẠM NGUYỄN HIỀN	PHƯƠNG	DH10NH			7,0	7	0
60	10113118	LƯƠNG TẤN	PHƯỚC	DH10NH			3,0	3	0
61	10113120	NGUYỄN HỒNG	QUANG	DH10NH			9,5	9	5
62	10113123	NGUYỄN THỊ NGỌC	QUYÊN	DH10NH			4,5	4	5
63	10113124	HOÀNG LÊ NGỌC	QUÝ	DH10NH			8,0	8	0
64	10113125	DƯƠNG NGUYÊN	SANG	DH10NH			V	V	
65	10113136	ĐẶNG NGỌC	THẠNH	DH10NH			9,0	9	0
66	10113137	NGUYỄN HÀ	THẮM	DH10NH			V	V	
67	10113138	TRẦN HỒNG	THẮM	DH10NH			6,0	6	0
68	10113139	NGUYỄN QUỐC	THẮNG	DH10NH			8,0	8	0
69	10113144	TRỊNH VĂN	THẬT	DH10NH			1,0	1	0
70	10113145	LÊ NGỌC HOÀNG	THIÊN	DH10NH			5,5	5	5
71	10113146	BÙI NGỌC	THỊNH	DH10NH			7,0	7	0
72	10113152	PHẠM THỊ	THU	DH10NH			7,5	7	5

Số bài:.....; Số tờ:..... Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. LÊ NGỌC THỐNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00557

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 36 **CBGD:** Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
73	10113153	QUẢN THỊ	THU	DH10NH			7,0	7	0
74	10113154	NGUYỄN THẾ	THUẦN	DH10NH			5,0	5	0
75	10113156	PHẠM THỊ	THÙY	DH10NH			7,5	7	5
76	10113158	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	THÙY	DH10NH			8,0	8	0
77	10113161	ĐINH TẤN	THỪA	DH10NH			6,0	6	0
78	10113163	NGUYỄN MINH	TIẾN	DH10NH			5,0	5	0
79	10113164	NGUYỄN ĐỨC	TIỆN	DH10NH			9,0	9	0
80	10113165	NGUYỄN QUỐC	TỈNH	DH10NH			8,0	8	0
81	10113167	NGÔ ĐÌNH MINH	TOÀN	DH10NH			3,0	3	0
82	10113171	NGÔ THỊ BÍCH	TRÂM	DH10NH			5,5	5	5
83	10113172	NGUYỄN NGỌC	TRÂN	DH10NH			V	V	
84	10113174	NGUYỄN THỊ DIỄM	TRINH	DH10NH			7,0	7	0
85	10113178	LÊ HUY	TRỌNG	DH10NH			7,0	7	0
86	10113179	TRẦN QUANG	TRUNG	DH10NH			5,5	5	5
87	10113180	HỒ THỊ HƯNG	TRUYỀN	DH10NH			8,0	8	0
88	10113182	TRẦN VĨNH	TUẤN	DH10NH			8,0	8	0
89	10113183	NGUYỄN VĂN	TUẤN	DH10NH			V	V	
90	10113185	HỒ TRẦN	TUYỀN	DH10NH			5,0	5	0

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00557

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 36 CBGD: Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
91	10113190	VŨ THỊ	TƯƠI	DH10NH			✓	10	0
92	10113191	VŨ VĂN	TỰU	DH10NH			8,5	8	5
93	10113193	TRẦN VIẾT	VĂN	DH10NH			8,0	8	0
94	10113195	TRẦN THỊ HẢI	VÂN	DH10NH			8,0	8	0
95	10113197	LÊ TRÍ	VIỄN	DH10NH			6,0	6	0
96	10113205	NGUYỄN	XIN	DH10NH			8,5	8	5
97	10113217	HUỲNH	ANH	DH10NH			5,5	5	5
98	10113219	TRẦN QUỐC	THẮNG	DH10NH			3,0	3	0
99	10113220	TRIỆU THỊ	TOÀN	DH10NH			4,0	4	0
100	10113221	THỊ KIM	THÀ	DH10NH			6,5	6	5
101	10113222	KIM	THỜI	DH10NH			6,0	6	0
102	10113223	KIÊN NGỌC	LINH	DH10NH			9,0	9	0
103	10113224	THẠCH THỊ	LINH	DH10NH			4,0	4	0
104	10113225	TRƯƠNG CHANE	XÊRÂY	DH10NH			5,5	5	5
105	10113226	CHAU	CHIÊN	DH10NH			5,0	5	0
106	10113227	CHAU KIM	SƯƠNG	DH10NH			5,0	5	0
107	10113228	Y LIM	ÊBAN	DH10NH			4,0	4	0
108	10113249	ERDENEJARGAL Dashzeveg.	DASHZEVEG	DH10NH			1,0	1	0

Số bài:.....; Số tờ:..... Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày tháng 12 năm 2010

TS. LÊ NGỌC THÔNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00557

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 36 CBGD: Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
109	10116009	NGUYỄN THỊ BÌNH	DH10NH			8,5	8	5

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00553

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 32 2024021 CBGD: Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10336001	ĐẶNG THỊ THÙY	TRÂM	CD10CS			7,0	7	0
2	10336002	TRẦN THỊ TRÚC	ANH	CD10CS			7,0	7	0
3	10336003	NGUYỄN CÔNG	CẢM	CD10CS			4,0	4	0
4	10336006	HUỲNH THANH	NHÀN	CD10CS			6,0	6	0
5	10336008	HOÀNG HÒA	HƯNG	CD10CS			5,5	5	5
6	10336012	THÔI NHẤT	NAM	CD10CS			9,0	9	0
7	10336015	MAI THỊ	MỪNG	CD10CS			3,0	3	0
8	10336016	NGUYỄN THỊ TRÚC	PHƯƠNG	CD10CS			V		
9	10336020	VÕ THANH	TÂM	CD10CS			8,0	8	0
10	10336027	BÙI ĐỨC	TRÍ	CD10CS			8,5	8	5
11	10336029	HOÀNG THỊ	LIỄU	CD10CS			9,0	9	0
12	10336036	NGUYỄN VĂN	CHIẾN	CD10CS			7,5	7	5
13	10336039	TRẦN PHẠM THANH	DUY	CD10CS			V		
14	10336042	TRẦN THỊ	HUYỀN	CD10CS			9,0	9	0
15	10336043	PHẠM VĂN	DƯƠNG	CD10CS			8,0	8	0
16	10336046	HUỲNH NỮ HỒNG	PHÁT	CD10CS			8,5	8	5
17	10336053	NGÔ VŨ	HIẾU	CD10CS			V		
18	10336054	LÊ NGỌC	TÚ	CD10CS			7,5	7	5

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Phạm Thị Hường

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00553

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 32 CBGD: Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10336055	TRƯƠNG THÀNH	CHUNG	CD10CS			v	0	0
20	10336057	NGUYỄN XUÂN	HOẠT	CD10CS		Hoạt	8,0	8	0
21	10336059	KIỀU VĂN	HỢI	CD10CS			5,0	5	0
22	10336060	NGUYỄN THỊ KIM	SINH	CD10CS		Sinh	8,0	8	0
23	10336061	TRƯƠNG ĐÌNH	HUY	CD10CS			6,0	6	0
24	10336067	NGUYỄN NGỌC	BỬU	CD10CS			v	0	0
25	10336068	NGUYỄN VŨ MỸ	CHI	CD10CS		Chi	8,0	8	0
26	10336069	ĐỖ VĂN	KHƯƠNG	CD10CS		Khương	8,0	8	0
27	10336071	NGUYỄN MINH	KHƯƠNG	CD10CS			v	0	0
28	10336072	PHẠM TRẦN ĐĂNG	KHƯƠNG	CD10CS		Khương	6,5	6	5
29	10336075	HUỲNH TẤN	THÁI	CD10CS			v	0	0
30	10336077	NGUYỄN THỊ	NGÂN	CD10CS			v	0	0
31	10336080	LƯƠNG HOÀI	TÂM	CD10CS		Tâm	4,0	4	0
32	10336082	NGUYỄN ANH	THOẠI	CD10CS			7,0	7	0
33	10336086	LÊ MINH	NHẬT	CD10CS			5,0	5	0
34	10336087	LÊ MINH	PHÁT	CD10CS		Phát	8,5	8	5
35	10336088	NGUYỄN XUÂN	PHÚ	CD10CS			5,0	5	0
36	10336090	BÙI THỊ KIM	QUYÊN	CD10CS		Quyên	4,0	4	0

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

Lê Phan Thị Huyền

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00553

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 32 CBGD: Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10336091	TRẦN VĂN	QUÝ	CD10CS		Quý	6,5	6	5
38	10336096	HUỲNH THỊ	THẢO	CD10CS		/	V	V	
39	10336099	PHẠM QUANG	THIỆN	CD10CS		Thiện	9,5	9	5
40	10336101	NGUYỄN ĐÌNH	THUẬN	CD10CS		Thuận	8,0	8	0
41	10336095	NGUYỄN VĂN	THÀNH	CD10CS		/	V	V	

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00554

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 33 CBGD: Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10336102	TRẦN THỊ	THUẬN	CD10CS			5,0	5	0
2	10336106	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	CD10CS			4,5	4	5
3	10336108	PHAN THỊ DIỄM	TRINH	CD10CS			7,5	7	5
4	10336110	NGUYỄN VĂN	TUYỀN	CD10CS			6,5	6	5
5	10336113	NGUYỄN THÀNH QUAN	VŨ	CD10CS			6,5	6	5
6	10336115	HỨA KIỀU NỮ YẾN	XUÂN	CD10CS			3,0	3	0
7	10336118	NGUYỄN	NHẠC	CD10CS			8,0	8	0
8	10336120	KIỀU THÁI	SANG	CD10CS			7,0	7	0
9	10336122	LÊ THÀNH	ĐA	CD10CS			6,0	6	0
10	10336123	NGUYỄN THANH	ĐẠT	CD10CS			7,5	7	5
11	10336124	LÊ THỊ	ĐỎ	CD10CS			4,0	4	0
12	10336131	TRẦN MỘNG	NHẤT	CD10CS			6,0	6	0
13	10336132	TRẦN THỊ MỸ	TRUYỀN	CD10CS			7,0	7	0
14	10336133	TÔ THỊ TRANG	QUYÊN	CD10CS			7,5	7	5
15	10336136	NGUYỄN QUỐC	TẤN	CD10CS			6,0	6	0
16	10336139	NGUYỄN TẤN	TRƯỜNG	CD10CS			6,5	6	5
17	10336140	LÊ THỊ THANH	TUYỀN	CD10CS			2,5	2	5
18	10336146	TRỊNH BÌNH	KHUÊ	CD10CS			6,5	6	5

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00554

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Thực hành Sinh học Đại cương - 33 **CBGD:** Nguyễn Thị Mai (666)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10336149	NGUYỄN VĂN	PHƯƠNG	CD10CS			5,5	5	5
20	10336150	VÕ VĂN	ĐẠO	CD10CS			5,0	5	0
21	10336151	PHAN HỒNG	KHOA	CD10CS			8,0	8	0

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng 12 năm 2010